LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta trong quá trình phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phấn, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý để phù hợp với xu thế phát triển kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Mỗi doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng mới , sử dụng một cách tốt nhất, hiệu quả nhất và tiềm năng về sức người để tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm hàng hoá, dịch vụ với chất lượng cao, tạo ra được nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng tích luỹ cho Nhà nước.

Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải là một doanh nghiệp có vốn sở hữu của Nhà nước thuộc khối doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng các nhu cầu về phương tiện thủy, bộ. Mục tiêu của công ty là thoả mãn nhu cầu của khách hàng cả về chất lượng và số lượng với giá cả hợp lý, đồng thời công ty sản xuất kinh doanh thu nhiều lợi nhuận, tạo được công ăn việc làm cho nhiều đối tượng lao động. Để đạt được mục tiêu trên thì việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm là phương diện quan trọng nhất của năng lực cạnh tranh. Nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.Chất lượng có ý nghĩa kinh tế xã hội sâu sắc. Chất lượng hàng hoá dịch vụ liên quan đến quyền lợi của mỗi công dân, mỗi đơn vị kinh tế. Chất lượng không tự nhiên có được, cần có sự tác động, nỗ lực, nghĩa là phải quản lý chất lượng, phải làm như thế nào để hàng hoá, sản phẩm của doanh nghiệp mình thực sự có một chỗ đứng, chiếm được lòng tin của khách hàng, thì lúc đó thương hiệu của sản phẩm mới được khẳng định, doanh nghiệp mới tạo được niềm tin cho người tiêu dùng.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải, bằng kiến thức của mình đã học tại trường và mong muốn được vận dụng lý thuyết vào thực tế em đã chọn đề tài: " Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải " làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

Nội dung của khoá luận ngoài phần mở đầu và phần kết luận còn gồm 3 phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Với thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Việt Nhật.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Vân

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.Một vài nét về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.1.1.1.Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2.Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

a.Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng : là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Các phương thức bán hàng:

- ***Phương thức bán hàng trực tiếp***: Theo phương thức này, người mua đến nhận hàng tại kho bán của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và giá trị của nó được ghi nhận là doanh thu.

- ***Phương thức gửi hàng:*** Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- ***Phương thức bán thông qua đại lý***: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- ***Phương thức bán hàng trả góp***: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- ***Phương thức bán hàng trả chậm***: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

- ***Phương thức bán hàng đổi hàng***: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

Doanh thu sản phẩm đem trao đổi = Số lượng sản phẩm đem trao đổi x Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính.

b.Các phương pháp xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực "Doanh thu và thu nhập khác", nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm ,hàng hóa,dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB,thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu).

-Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thỏa mãn:

-Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa.

-Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như là người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

-Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn.

-Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

-Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.1.3.Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

- ***Chiết khấu thương mại***: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- ***Giảm giá hàng bán***: là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng…(do chủ quan doanh nghiệp).

- ***Hàng bán bị trả lại***: là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền, hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kĩ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- ***Thuế tiêu thụ đặc biệt***: được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá…

-***Thuế xuất khẩu***: được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khơi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

DTBH = DT - Chiết khấu - DTBH - Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải
thuần BH thương mại bị trả lại nộp, thuế GTGT trực tiếp

1.1.2.Chi phí liên quan tới tiêu thụ hàng hoá

1.1.2.1.Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2.Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí bán hàng: là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết…

Chi phí khác: là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế…

1.1.3.Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi

phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư…)

1.1.4.Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc "lấy thu bù chi và có lãi". Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý.

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định lợi nhuận trên doanh thu…Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hòa giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.2.1.Vai trò của kế toán bán hàng

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư…sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình.Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính của các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2.Nhiệm vụ của kế toán bán hàng

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

-Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

-Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

-Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

-Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nhiệm vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.3.Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại các doanh nghiệp

1.3.1.Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1.Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a.Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các hoạt động bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động…

b.Các loại doanh thu theo hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

-Doanh thu bán hàng hóa.

-Doanh thu bán thành phẩm.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ.

-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

-Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

c.Chứng từ kế toán sử dụng

-Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT – 3LL, Hóa đơn GTGT Mẫu số 02 GTTT – 3LL).

-Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 PXK – 3LL).

-Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01 – TT).

-Giấy báo có của ngân hàng,…

d.Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dich vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp của một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

-Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

-Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động…

TK 511 có 5 TK cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư.

Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

TK 512 có 3 TK cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.

TK5122: Doanh thu bán thành phẩm.

TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

e.Sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Sổ chi tiết TK 511,512

-Sổ cái TK 511, 512

-Bảng cân đối số phát sinh.

-Báo cáo tài chính.

1.3.1.2.Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

a.Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại

- Hàng bán bị trả lại

- Giảm giá hàng bán

-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

b.Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 521 – chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK 521 gồm 3 TK cấp 2:

TK5211 – Chiết khấu hàng hóa

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm.

TK5213 – Chiết khấu dich vụ.

Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán của kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Tài khoản 333 –Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp và Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

1.3.1.3.Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ

-Chứng từ sử dụng: hợp đồng bán hàng, bảng kê bán lẻ, hóa đơn GTGT, thẻ quầy hàng, tờ khai thuế GTGT, bảng thanh toán hàng đại lý. Các chứng từ thanh toán như phiếu thu, ủy nhiệm chi, sec chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng.

-Tài khoản sử dụng:

+TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+TK 512: Doanh thu nôi bộ.

+TK521: Chiết khấu thương mại.

+TK531: Giảm giá hàng bán.

+TK532: Hàng bán bị trả lại.

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131, 333…

Trường hợp 1: Bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán.

Sơ đồ 1:

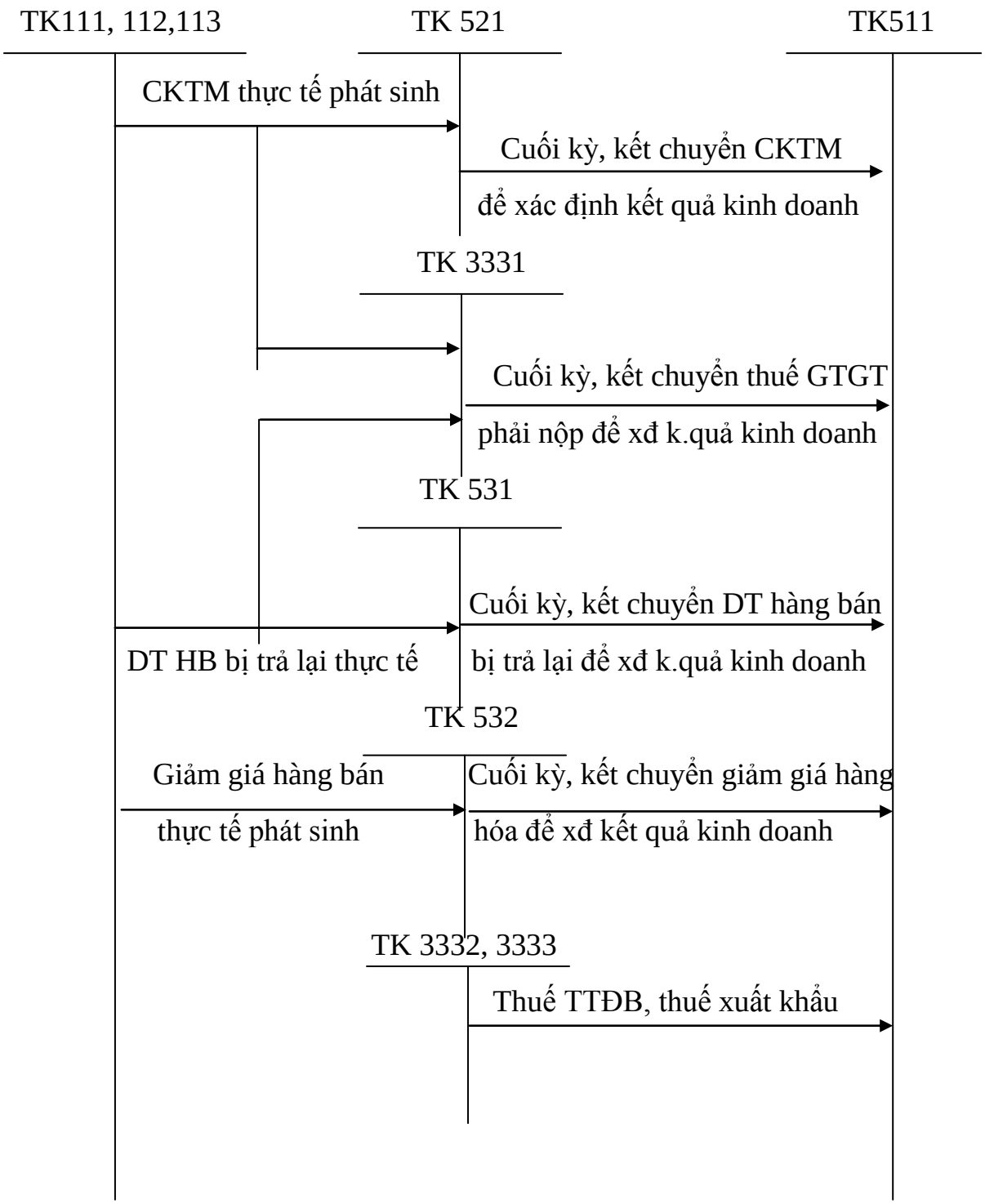

Trường hợp 2: Bán hàng trả góp, trả chậm.

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Sơ đồ 2:

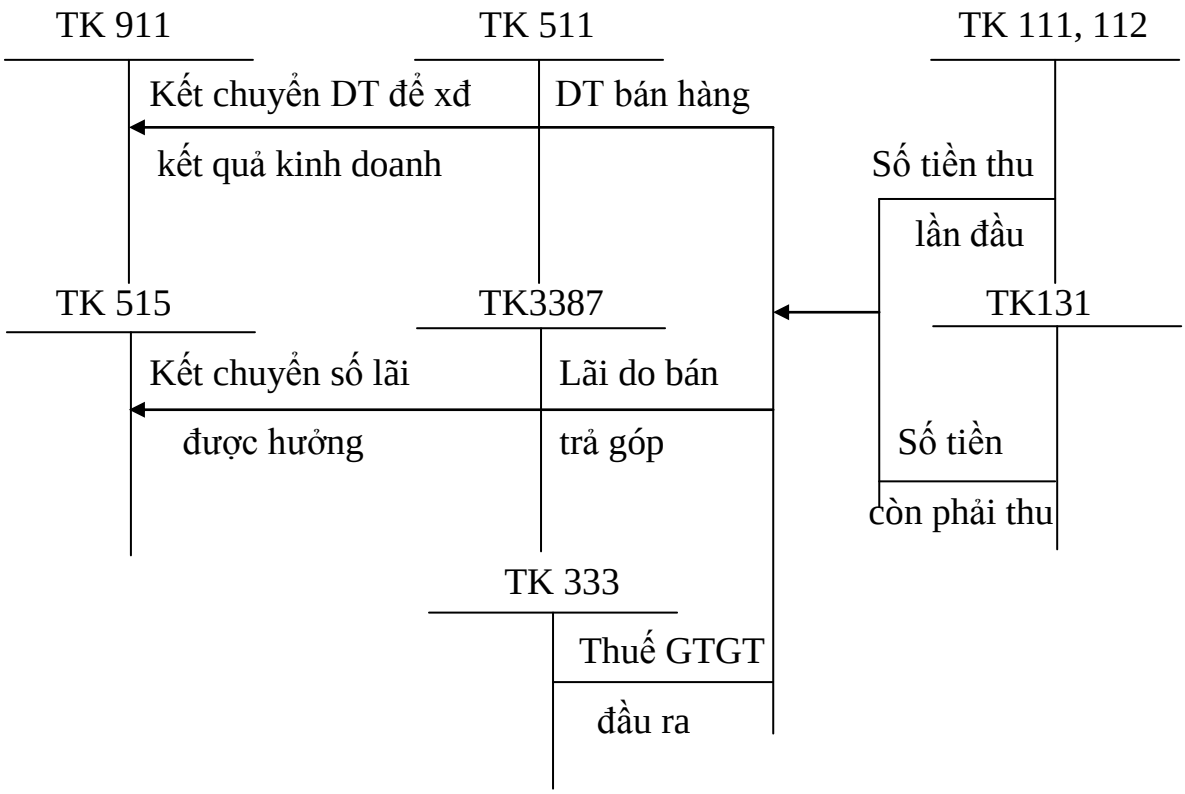

Trường hợp 3: Bán hàng qua đại lý ký gửi hàng.

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đại lý và nhận xuất khẩu ủy thác cho một doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp sẽ thu được doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng. Nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế GTGT các khoản doanh thu này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp tiến hành xuất khẩu ủy thác cho doanh nghiệp khác thì số tiền hoa hồng được hưởng lại là đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Bên nhận ủy thác sẽ được ghi nhận số thuế tính trên hoa hồng ủy thác vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Khi nhận hàng của đơn vị giao cho đại lý, giao ủy thác, kế toán ghi vào Nợ

TK003. Khi bán được hàng hoặc trả lại hàng cho doanh nghiệp ủy thác thì kế toán ghi vào Có TK003.

Sơ đồ 3:

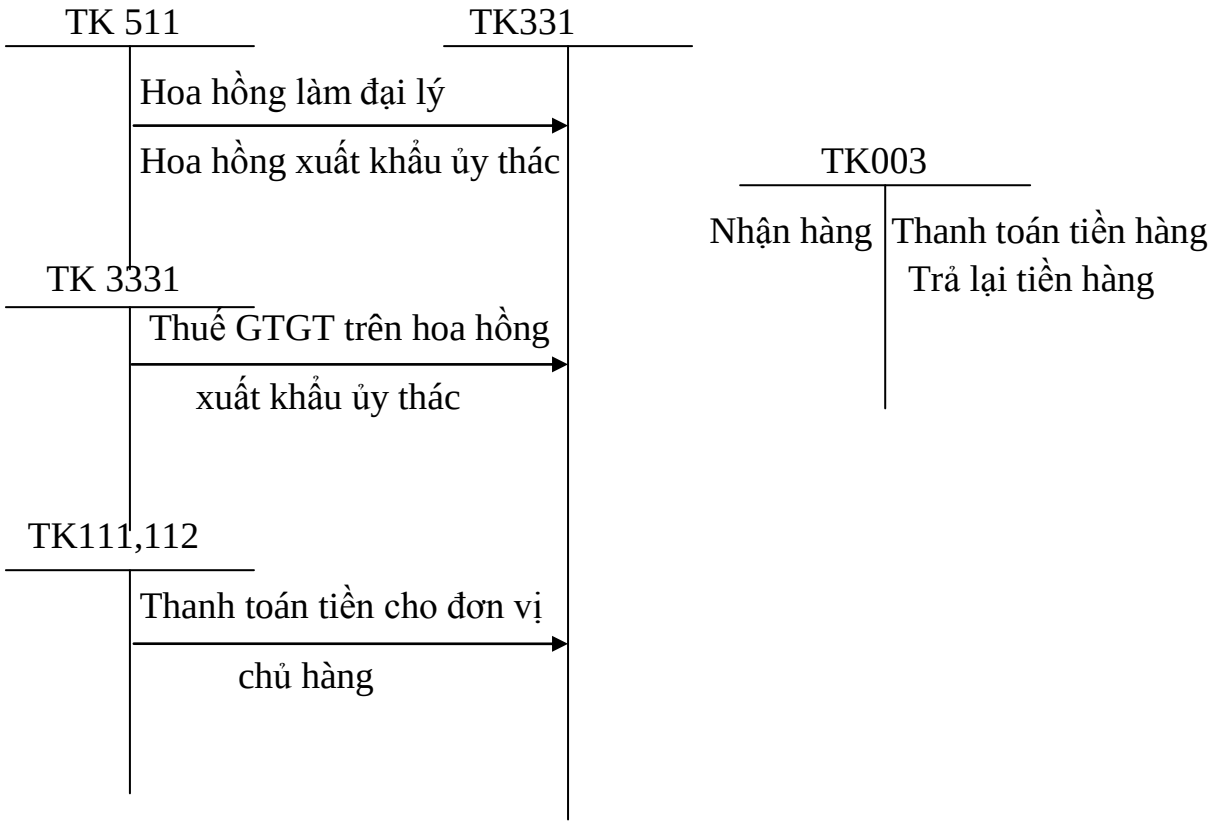

Trường hợp 4: Nếu doanh nghiệp bán hàng thông qua đại lý khi doanh nghiệp nhận tiền hàng do đơn vị đại lý thanh toán, doanh nghiệp cho đại lý gửi một khoản tiền hoa hồng và khoản tiền này sẽ được tính vào chi phí bán hàng (TK6417)

Sơ đồ 4:

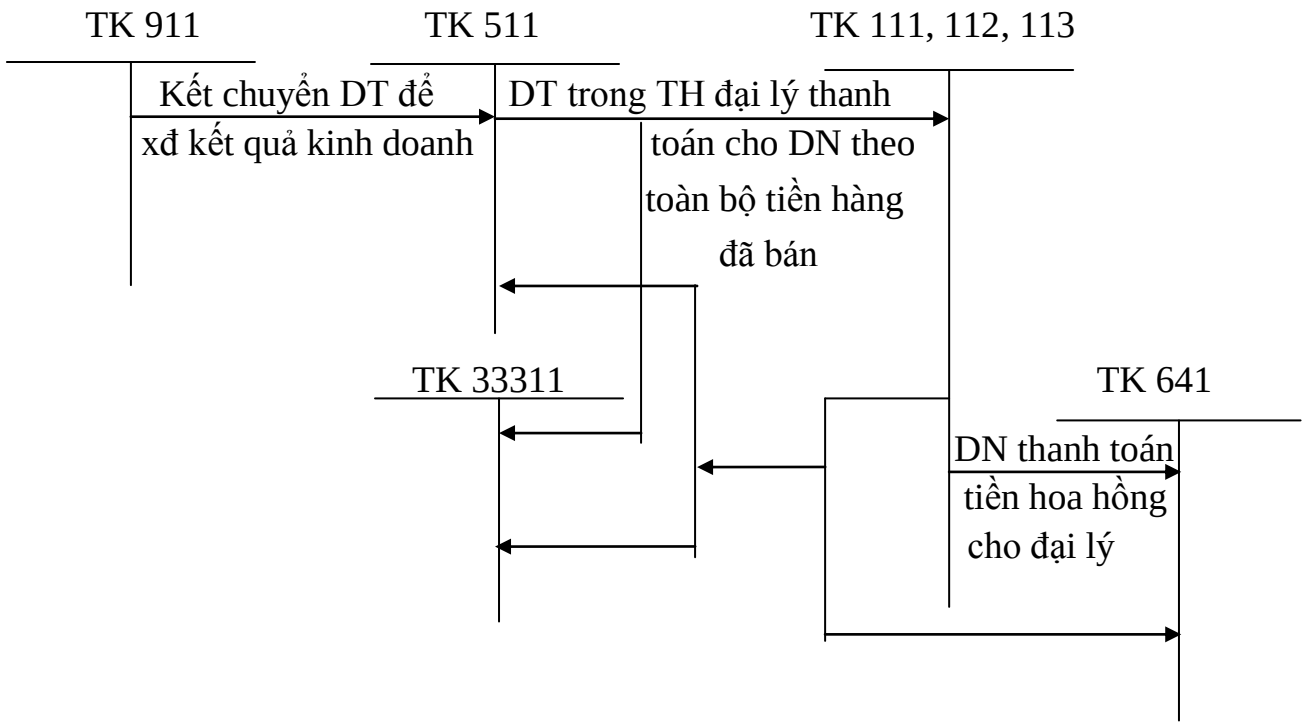

Trường hợp 5: Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

Sơ đồ 5:

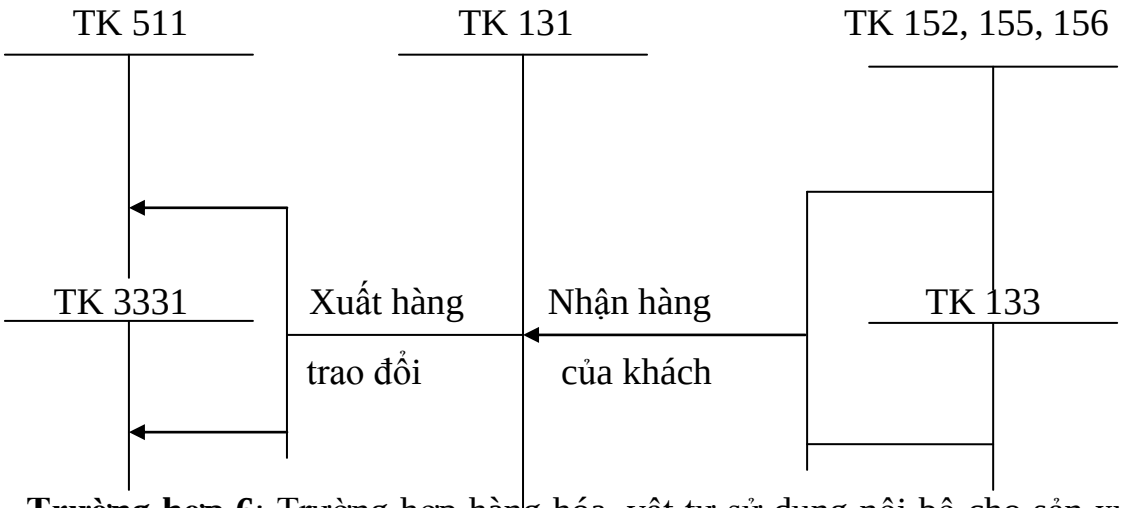

Trường hợp 6: Trường hợp hàng hóa, vật tư sử dụng nội bộ cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán xác định doanh thu của số hàng này

tương ứng với chi phí sản xuất hoặc giá vốn hàng bán để ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Sơ đồ 6:

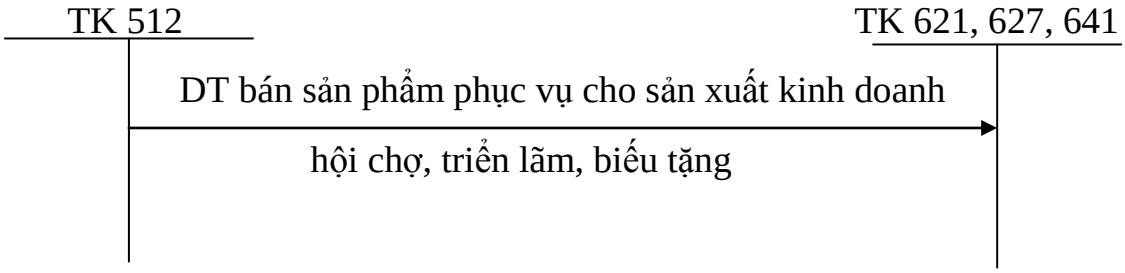

Trường hợp 7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hóa để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau.

Sơ đồ 7:

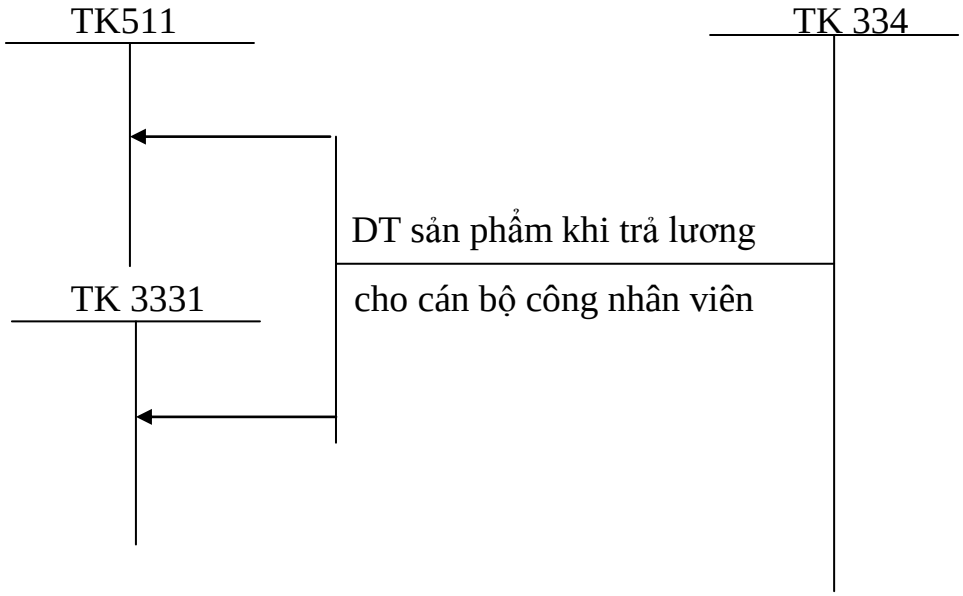

Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp.

1.4.Kế toán chi phí tại các doanh nghiệp

1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.4.1.1 Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

** Phương pháp tính theo giá đích danh:*

- Được áp dụng đối với Doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

** Phương pháp bình quân gia quyền:*

- Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\textit{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \textit{Số lượng hàng xuất kho} * \textit{Đơn giá bình quân}$$

$$\textit{Đơn giá bình quân} = \frac{\textit{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \textit{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\textit{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \textit{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

** Phương pháp nhập trước - xuất trước:*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy Đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

** Phương pháp nhập sau - xuất trước :*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng ở những lần nhập đầu tiên.

1.4.1.2 Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán

** Các chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 632-Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

- Tài khoản này phản ánh trị giá hàng hóa, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

** Sổ sách sử dụng*

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ cái TK 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

Sơ đồ 08: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

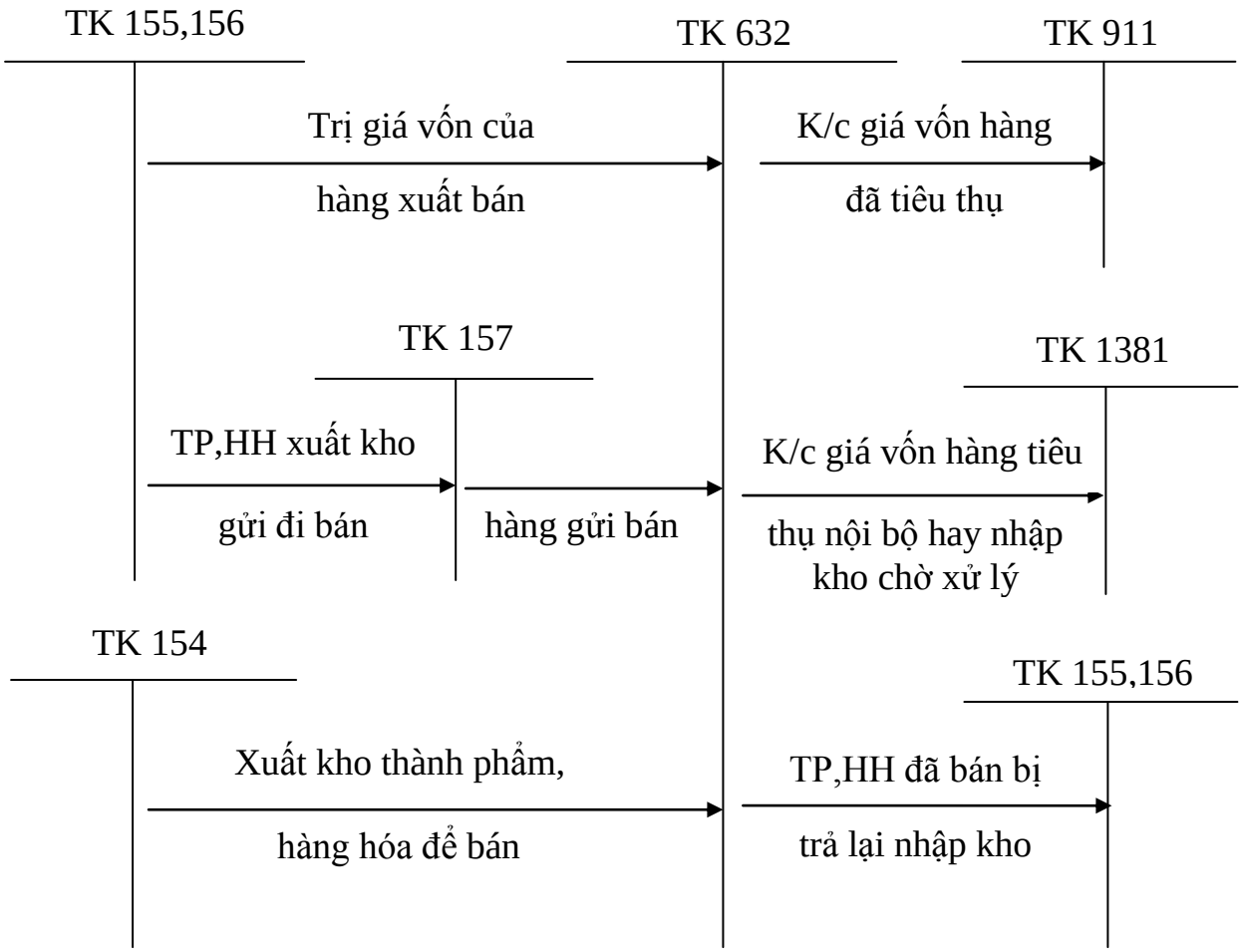

Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm: Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK632. Cuối tháng kế toán tổng hợp Giá vốn hàng bán của toàn công ty, dùng bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.4.2 Kế toán chi phí bán hàng

** Chứng từ sử dụng*

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

** Tài khoản sử dụng*

TK 641- Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển…

TK 641 mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như sau:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

** Sổ sách sử dụng*

- Chứng từ ghi sổ
-Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết TK 641
- Sổ cái TK 641
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

1.4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

** Chứng từ sử dụng*

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

** Tài khoản sử dụng*

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…), BHYT, BHXH, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác…

TK 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế , phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo 1 tỉ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

** Sổ sách sử dụng*

- Chứng từ ghi sổ
- Số đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết TK 642
- Sổ cái TK 642
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

Sơ đồ 09: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

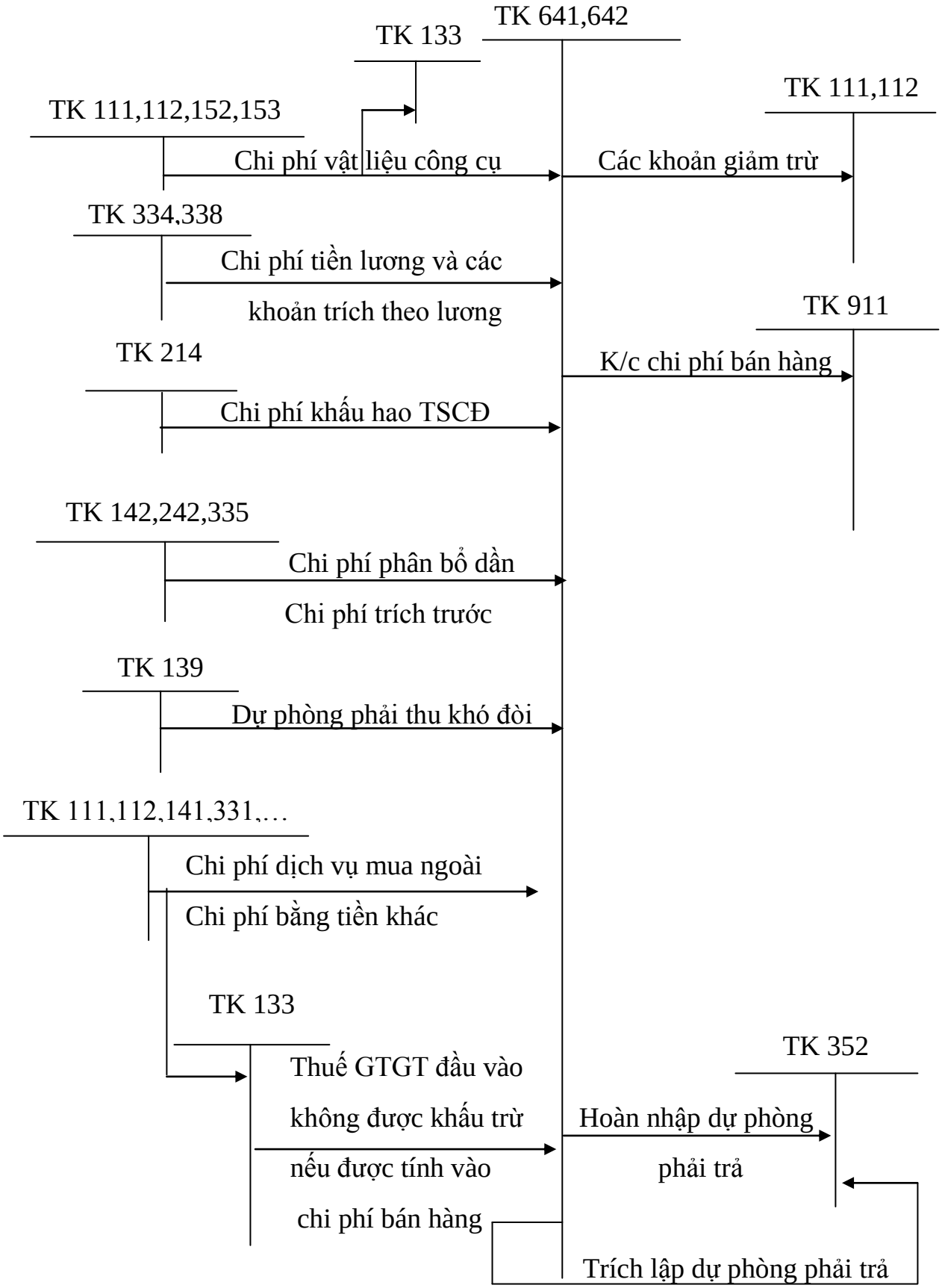

1.5.Kế toán xác định kết quả bán hàng

1.5.1 Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, kiểm định vị thế của mình trên thương trường. Kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ đưa hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

- Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác.

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính.

- Kết quả bán hàng chính là kết quả hoạt động kinh doanh chính và được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần về bán hàng.

- Lợi nhuận gộp là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

- Lợi nhuận thuần về bán hàng được xác định là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả bán hàng = Doanh thu thuần - GVHB - Chi phí BH - Chi phí QLDN

Trong đó:

Doanh thu thuần = Tổng DTBH & cung cấp DV – Các khoản giảm trừ doanh thu

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" và TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối" và 1 số tài khoản khác.

1.5.2 Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng

Nhận biết tầm quan trọng của việc xác định kết quả đòi hỏi kế toán xác định kết quả phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ đúng cho các đối tượng chịu chi phí.

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thông qua việc ghi chép kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.5.2.1 Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của Doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế	=	*Doanh thu chịu thuế thu nhập trong năm tính thuế*	-	*Chi phí hợp lí trong năm tính thuế*	+	*Thu nhập chịu thuế khác trong năm tính thuế*

1.5.2.2 Phương pháp kế toán xác định kết quả bán hàng

- Chứng từ sử dụng: Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và các số liệu liên quan khác.

- Chứng từ sử dụng:

+ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh:Tài khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối: Tài khoản này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hiện hành

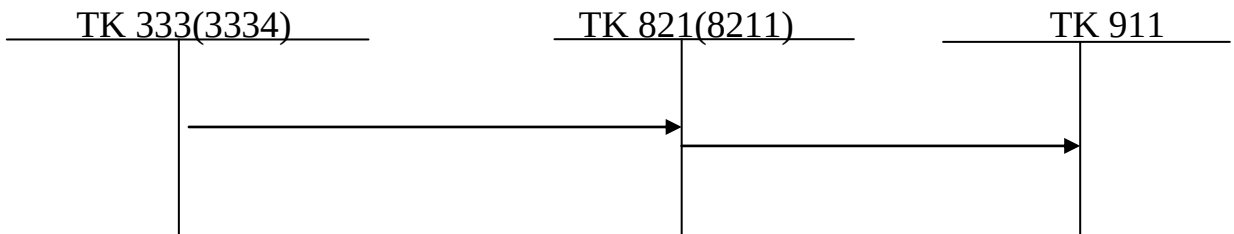

Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ (DN xác định)

K/c chi phí thuế TNDN hiện hành

Số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm nộp lớn hơn số phải nộp

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hoãn lại

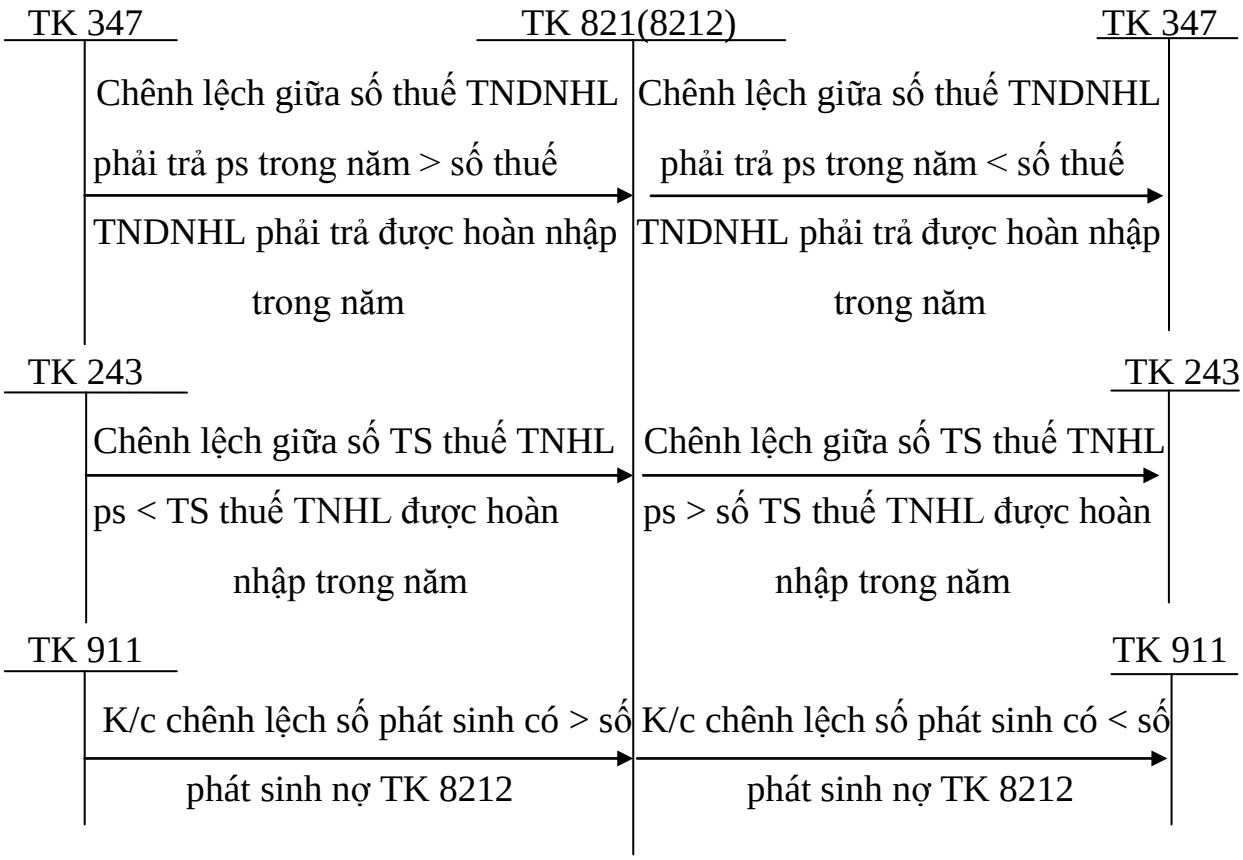

Sơ đồ 12: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

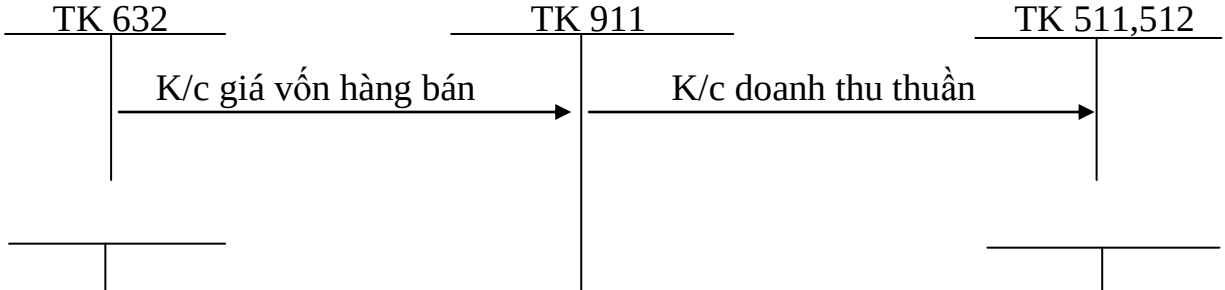

TK 641,642 TK 515,711

K/c chi phí bán hàng K/c doanh thu hoạt động TC

Chi phí QLDN và thu nhập khác

TK 635,811 TK 8212

K/c chi phí tài chính và K/c khoản giảm

Chi phí khác chi phí thuế TNDN

TK 821 TK 421

K/c chi phí thuế TNDN Kết chuyển lỗ

Kết chuyển lãi

1.6.Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nhiệm vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn 1 hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung,theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng 1 quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng 1 sổ kế toán và trong cùng 1 quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại số kế toán sau:

- Sổ nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.6.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ

- Ghi theo nội dunh kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

1.6.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, Nhật ký - Sổ cái…) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thuyền và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

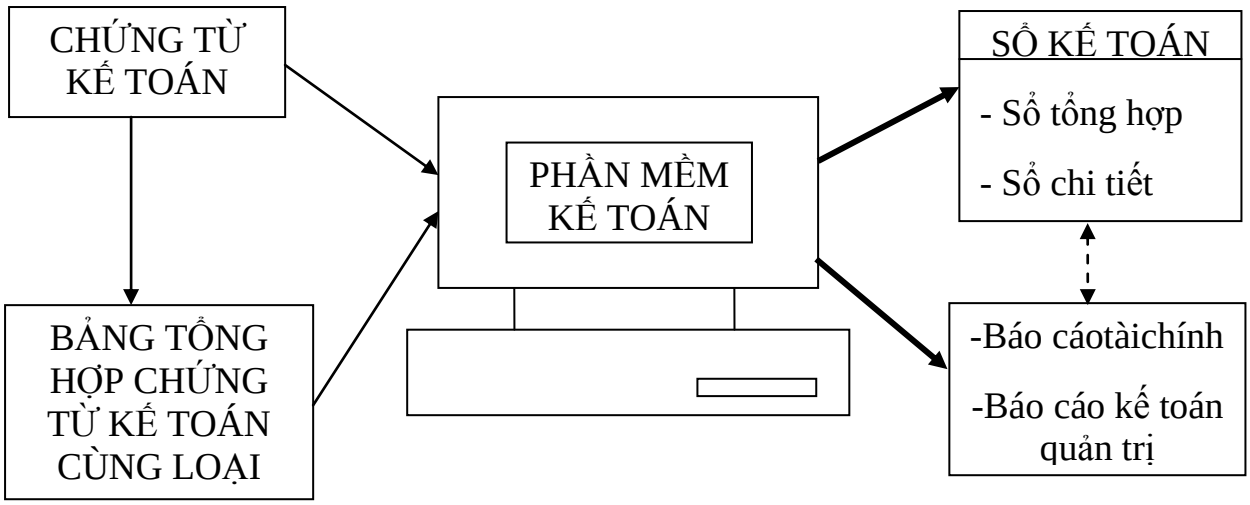

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

2.1.Đặc điểm tình hình chung của công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

2.1.1.Giới thiệu về công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Tên công ty: ***Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải***

Tên giao dịch quốc tế: ***Marine Supply and engineering service joint stock company***

Tên viết tắt: *MASERCO*

Địa chỉ: *Số 8A đường vòng Vạn Mỹ - Quận Ngô Quyền – TP Hải Phòng - Việt Nam*

Điện thoại: 84-31.3765417/3766561

Fax: 84-31.3765621/71

Email: contact@maserco.com.vn

Website: www.maserco.com.vn

Thành lập : Ngày 14 tháng 08 năm 2003

Giám đốc : Ông Tạ Mạnh Cường

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Số cổ phần : 100.000

Mệnh giá cổ phần : 100.000 đồng/ cổ phần

Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần

Cơ cấu cổ đông hiện tại của MASERCO :

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị vốn cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Vốn nhà nước tại DN:**Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	01 pháp nhân	22.500	2.250.000	22,50
2	Cổ đông là người LĐ trong DN	150	47.523	4.752.300	47,52
3	Cổ đông là người ngoài DN	81	29.977	2.997.700	29,98
	Tổng cộng	***232***	***100.000***	***10.000.000.000***	***100***

2.1.2.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Năm 1984 Bộ Giao thông vận tải có quyết định số 822/QĐ-TCCB về việc đổi tên Xí nghiệp liên hiệp công trình đ- ờng biển thành Xí nghiệp cơ khí giao thông 123 trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp xây dựng giao thông khu vực I, đây là những ngày đầu tiên thành lập công ty.

Tháng 04/1986 đổi tên Xí nghiệp cơ khí giao thông 123 thành Nhà máy sửa chữa thiết bị cảng biển tại QĐ 386QĐ/TCCB của Bộ giao thông vận tải và trực thuộc Tổng cục hàng hải Việt Nam.

Tháng 07/1991 tại quyết định số 695 QĐ/TCCB của Bộ giao thông vận tải về việc sát nhập Công ty kinh doanh dịch vụ đ- ờng biển lấy tên là Công ty cung ứng và dịch vụ Hàng hải I.

Năm 1991 đánh dấu 1 b- ớc phát triển mới của nền kinh tế thị tr- ờng : Nhà n- ớc cho phép các loại hình doanh nghiệp hoạt động đa nghành đa nghề đồng thời khuyến khích các chính sách mở cửa giao l- u thông thoáng với các n- ớc bên ngoài. Đay là giai đoạn chuyển mình của nền kinh tế n- ớc nhà. Đứng tr- ớc những cơ hội mở cửa hội nhập mới cũng nh- phải đ- ơng đầu với bao biến chuyển để giành đ- ợc thị phần về cho mình, Công ty cung ứng và dịch vụ Hàng hải I đã trải qua bao thăng trầm trong suốt thời gian gần 10 năm qua kể từ năm 1991. Các lĩnh vực hoạt động sửa chữa cơ khí, ph- ơng tiện bộ, hoạt động th- ơng mại đã chiếm phần lớn trên thị tr- ờng Hải Phòng.

Tuy nhiên đến năm 1998, do không theo kịp với xu h- ớng phát triển của nền kinh tế hội nhập nên Công ty đã lâm vào tình trạng sa sút khủng hoảng, hoạt động kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ kéo dài. Tình trạng thua lỗ kéo dài đến hết năm 1999 và đ- ợc khôi phục lại trong năm 2000 bằng 1 b- ớc chuyển biến của ban lãnh đạo mới: đ- a loại hình dịch vụ mới vào khai thác, đó là dịch vụ container nh- giao nhận container, sửa chữa container và làm khung treo trong container, ngoài ra còn tăng c- ờng đầu t- nâng cấp khu triền đà với 4 đ- ờng triền mới có thể đóng mới và sửa chữa các tàu có tải trọng d- ới 2500 tấn.

Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng hải là doanh nghiệp đ- ợc thành lập theo quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/08/2003 của Bộ tr- ởng Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà n- ớc Công ty cung ứng và dịch vụ Hàng hải I, trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000582 ngày 29/09/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu t- Hải Phòng cấp.

Tháng 09/2004 mở thêm chi nhánh Miền Nam. Mở thêm công ty con: Công ty đầu t- vận tải th- ơng mại và dịch vụ Hàng hải Nam D- ơng đặt tại khu vực Đình Vũ vào năm 2005.

Mở đại diện tại Hà Nội, đại diện tại Quảng Ninh vào cuối năm 2003. Ký làm đại lý cho các hãng vận tải container lớn: Cosco, Bisco, Happad Lloy, NYK, Yangming Line. Là khách hàng th- ờng xuyên đối với mặt hàng khung container treo của các đối tác: Everich Đất Biển, Vinatrans, Việt Công, First express, GMT,

GMD, Bisco, NYK.Từ số vốn ban đầu vào tháng 10/2003 khi cổ phần hóa là 4 tỷ đồng, chỉ sau 14 tháng phát triển, bằng lợi nhuận của mình Công ty đã tái đầu t- tăng vốn lên gấp gần 2 lần bằng chính tài sản của mình(cần cẩu 3500tấn, sà lan vận chuyển container, ôtô chuyển hàng,4 đ- ờng ray tàu, nguyên giá tài sản cố định tăng hàng năm) trong khi đó vẫn đảm bảo chia cổ tức cho các cổ đông năm đầu tiên là 10% trên số vốn cổ phần đã tăng. Tr- ớc khi cổ phần hóa, tuổi đời bình quân của CBCNV là 43 tuổi. Nay giảm xuống chỉ còn 30,17 tuổi với tổng số l- ợng CBCNV giữ ở mức từ 250 đến 265 ng- ời với thu nhập bình quân đạt mức trung bình khá so với mặt bằng l- ơng của khu vực.Sản l- ợng làm khung container treo, sản l- ợng cung ứng n- ớc ngọt cho tàu đã tăng tr- ởng mạnh mẽ.

2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ mỏy quản lý của cụng ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty:

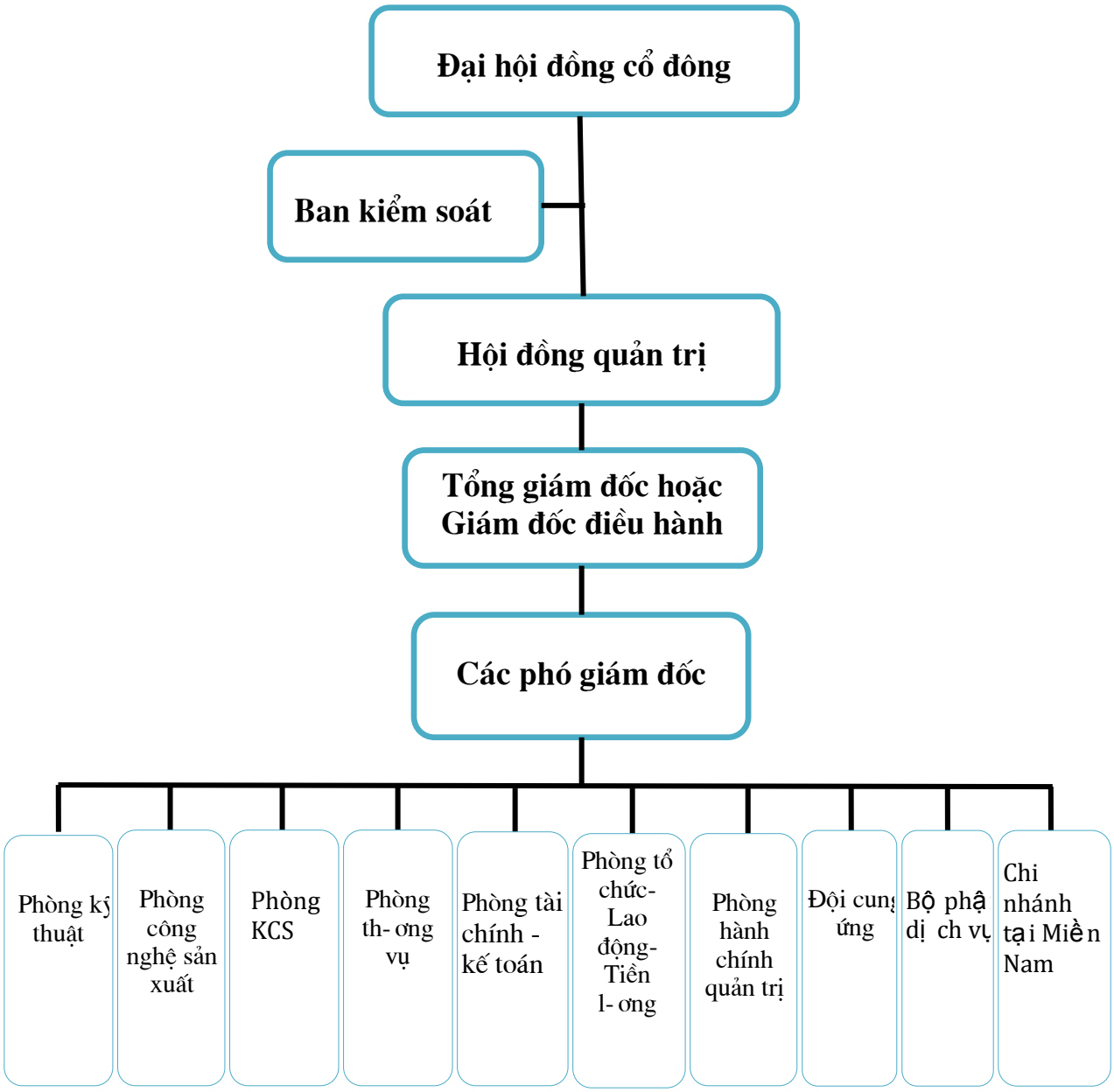

Chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh, phòng ban

1. Đại hội đồng cổ đông : là những ng□ời có vốn góp trong Công ty, có vai trò quyết định trong việc quản lý và phát triển Công ty.

2. Ban kiểm soát : Làm nhiệm vụ kiểm soát và đ□a ra những ý kiến đóng góp về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

3. Hội đồng quản trị : Là những ng□ời trực tiếp điều hành Công ty, quyết định những chính sách, ph□ơng h□ớng chiến l□ợc phát triển Công ty khi đại hội đồng cổ đông tán thành.

4. Giám đốc : Là ng□ời phụ trách chung công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và tài chính.

5. Các phó giám đốc : Là những ng□ời trực tiếp chỉ đạo, phụ trách các phòng, ban, bộ phận.

6. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ bao gồm:

a.Phòng thương vụ: Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty việc hoạch định các mặt hàng dịch vụ, cân đối nguồn dịch vụ đầu vào, các chi phí khi tổ chức sản xuất, cũng như thực hiện dịch vụ, hạch toán các công trình, theo dõi giá nguyên liệu cũng như vật liệu đầu vào để làm căn cứ tính toán giá thành công xưởng và chào hàng dịch vụ

b.Phòng tài chính kế toán: Thực hiện các nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp.

c.Phòng tổ chức – Lao động - Tiền lương: Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty về công tác cán bộ, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, đào tạo và tái đào tạo lao động, quản lý lao động, nghiên cứu bổ sung Điều lệ công ty, nội quy lao dộng, quy chế trả lương, xây dựng định mức lao động, công tác bảo hiểm, yhanh toán tiền lương và thực hiện các nhiệm vụ khác khi giám đốc yêu cầu…

d.Phòng hành chính quản trị: Quản lý công tác thông tin, công tác quản trị, lưu trữ dữ liệu hành chính, xây dựng cơ bản, quản lý và điều hành đội xe, thực hiện các nhiệm vụ khác khi Ban giám đốc yêu cầu.

e.Phòng kỹ thuật: Nghiên cứu cập nhật các công nghệ mới, lập các quy trình áp dụng vào sản xuất kinh doanh, nghiên cứu các đề tài hợp lý hóa trong sản xuất, tổ chức sản xuất khu vực sửa chữa đầu bến, quyết toán sản phẩm với khách hàng.

f.Phòng công nghệ sản xuất: Áp dụng các công nghệ mới do phòng kỹ thuật cung cấp vào sản xuất, khảo sát dự toán giá thành, dự toán vật tư, dự toán tiền lương và các chi phí thi công các công trình, tính toán tiền lương cho công nhân, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm, đánh giá và áp dụng sáng kiến hợp lý hóa vào thực tế sản xuất…

g.Phòng KCS: Nghiệm thu chất lượng sản phẩm theo các công đoạn thi công và chuyển cho bước công nghệ, đánh giá chất lượng sản phẩm để làm căn cứ trả lương, phối hợp với phòng công nghệ sản xuất đưa ra các biện pháp khắc phục nhược điểm còn tồn tại, đánh giá chất lượng vật tư và thiết bị nhập kho trước khi đưa vào sản phẩm, đánh giá những sáng kiến hợp lý hóa sản xuất và cho áp dụng.

h.Đội cung ứng: Cung ứng vật tư, cấp nước ngọt cho tàu trong và ngoài nước, quản lý, sử dụng an toàn và hiệu quả các phương tiện thủy của Công ty. Chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng hàng hóa, thực phẩm, nước ngọt cho tàu.Cung ứng các dịch vụ cho khách hàng theo biểu giá của Công ty.

i.Bộ phận dịch vụ: Quản lý và điều hành các dịch vụ container, dịch vụ giao nhận vận tải và khai thác bãi, sản xuất thiết bị container treo.

j. Chi nhánh Miền Nam: Chi nhánh là đơn vị hạch toán nội bộ trực thuộc Công ty. Chi nhánh có con dấu riêng, có mã số thuế, có tài khoản ngân hàng, có quỹ tiền mặt, kho vật tư tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng thống nhất của Công ty thông qua Bộ phận Dịch vụ.

Do đặc thù kê khai và nộp thuế tại TP Hồ Chí Minh, Công ty quản lý việc hạch toán Chi nhánh thông qua tài khoản phải thu nội bộ. Cuối tháng Chi nhánh gửi các

báo cáo về Công ty và Công ty có Bản đối chiếu công nợ các khoản phải thu và phải trả nội bộ với Chi nhánh.

2.1.4.Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất – kinh doanh tại công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

- Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là dịch vụ, do đó công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề chủ yếu sau:

+ Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, bộ, container

+ Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, đại lý môi giới hàng hải…

+ Sửa chữa tàu biển tại cảng, gia công kết cấu thép và sửa chữa thiết bị cảng biển...

- Sản phẩm chính của công ty là sửa chữa đóng mới các phương tiện thủy có thời gian hình thành kéo dài phụ thuộc vào nhiều yếu tố tác động bên ngoài như: môi trường, thời tiết…

- Công ty tổ chức sản xuất sản xuất theo hình thức tập trung

- Khách hàng của công ty thường là khách hàng truyền thống.

2.2.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

2.2.1.Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

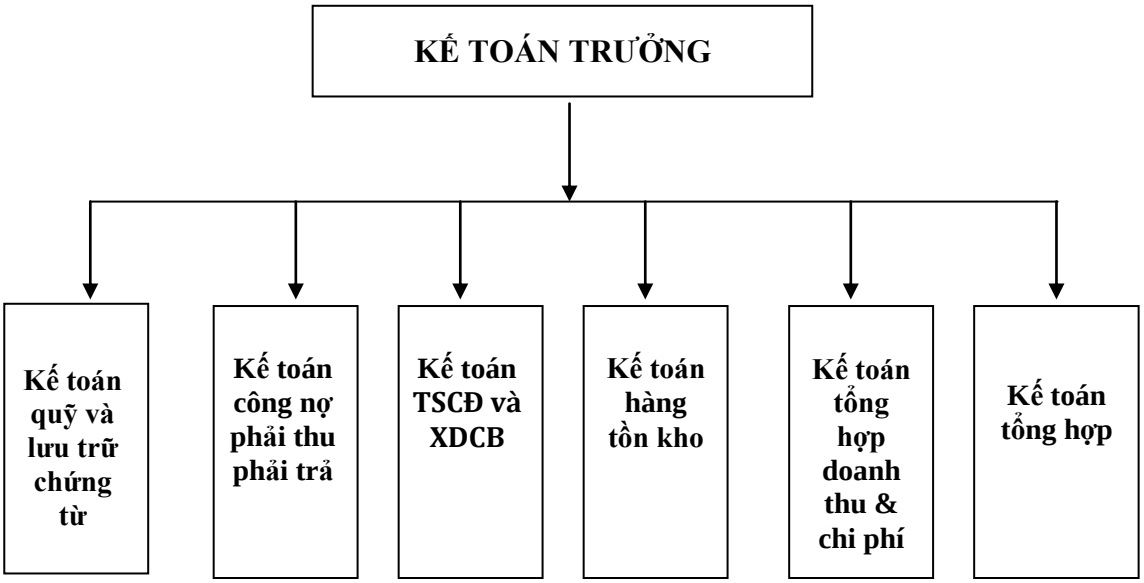

*** Kế toán trưởng:** Là ng- ời chỉ đạo chung công tác hạch toán của phòng tài chính kế toán, chỉ đạo trực tiếp xuống từng bộ phận kế toán riêng biệt và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp tr- ớc Giám đốc công ty và các cơ quan pháp luật về mọi số liệu của nhân viên trong phòng.

*** Kế toán quỹ và lưu trữ chứng từ:** Là việc hàng ngày nhân viên phải căn cứ vào các phiếu chi, phiếu thu tiền mặt hợp lệ qua quỹ của công ty để tạm ứng tiền cho công nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty. Cuối ngày nhân viên cần thu thập tất cả các chứng từ diễn ra trong ngày vào sổ và lưu trữ các chứng từ để cuối tuần tập hợp.

*** Kế toán công nợ phải thu, phải trả:** Căn cứ vào các chứng từ thanh toán, hoá đơn của bên bán, phiếu tạm ứng để lập lệnh thu, chi và thanh toán các khoản công nợ với khách hàng bằng tiền mặt và tiền gửi.

*** Kế toán TSCĐ và xây dựng cơ bản:** Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ nguồn hình thành TSCĐ, tính và trích khấu hao TSCĐ hàng tháng.

*** Kế toán hàng tồn kho:** Viết phiếu nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tính giá bình quân nguyên vật liệu xuất kho, kết hợp với thủ kho quản lý, kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho.

*** Kế toán tổng hợp doanh thu và chi phí:** Là việc theo dõi sự biến động của nguyên vật liệu, viết phiếu nhập xuất kho theo giá thực tế. Đồng thời tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm đối chiếu số liệu với kế toán kho và kế toán tổng hợp.

*** Kế toán tổng hợp :** Là ng- ời tổng hợp và lập báo cáo tài chính toàn công ty theo quy định của Công ty và chế độ tài chính hiện hành. Chịu trách nhiệm cập nhật số liệu và cung cấp kịp thời những thông tin thuộc lĩnh vực đ- ợc giao phụ trách cho kế toán tr- ởng hoặc Tổng giám đốc/Phó tổng giám đốc tài chính.

2.2.2.Hình thức tổ chức công tác kế toán tại công ty

- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức chứng từ ghi sổ
- Phòng tài chính kế toán của công ty đang sử dụng các loại sổ kế toán sau:

Sổ kế toán tổng hợp: Chứng từ ghi sổ,sổ cái các tài khoản

Sổ kế toán chi tiết: Sổ chi tiết tiền mặt, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết tài sản cố định, thẻ kho, sổ chi tiết nguyên vật liệu, sổ chi tiết theo dõi tạm ứng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán, sổ chi tiết doanh thu bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán, bảng kê chứng từ phát sinh.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

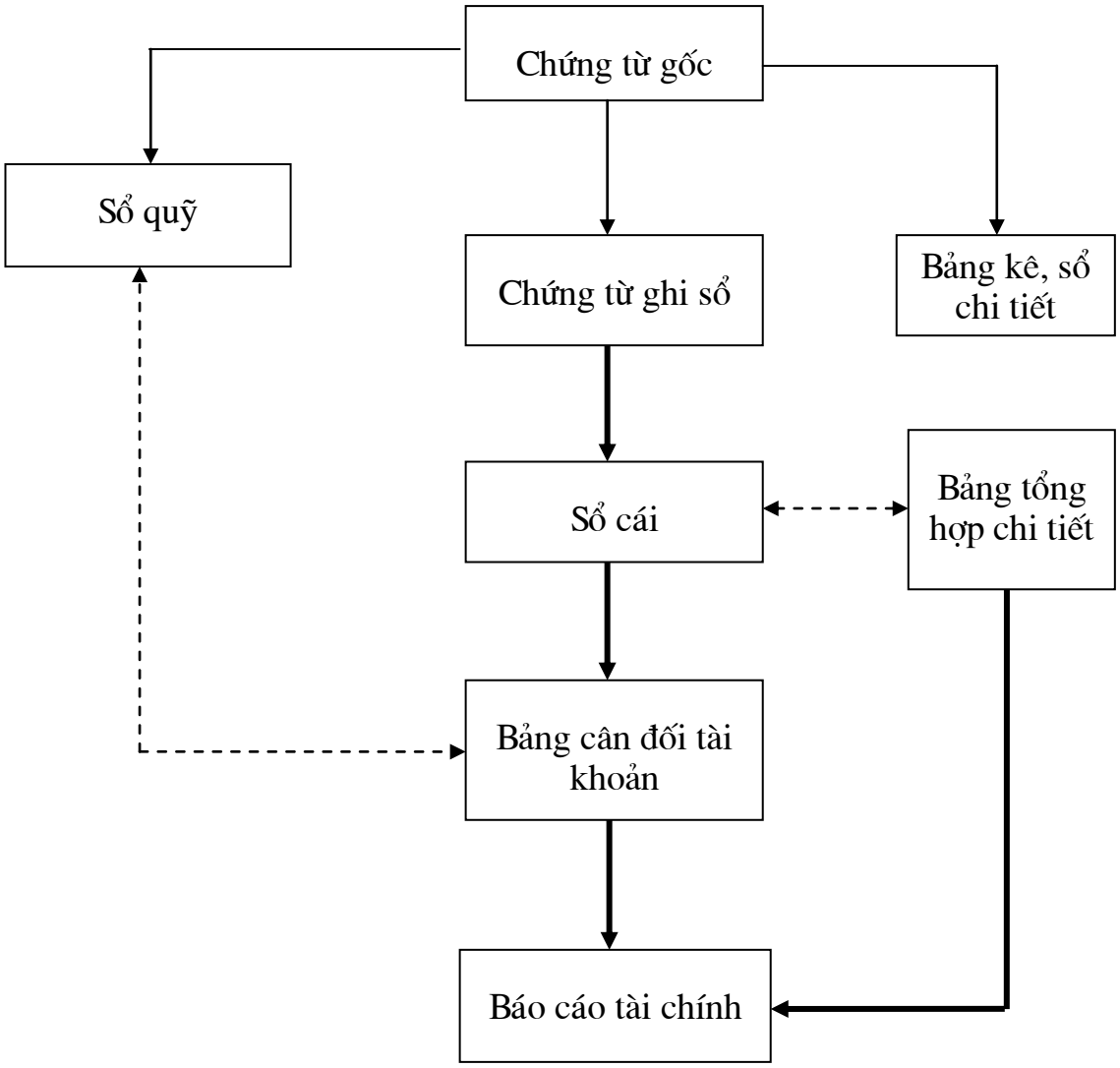

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

2.2.3.Chính sách kế toán khác của công ty

- Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải có niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm và được chia thành 4 kỳ hạch toán.

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành kèm theo.

- Đơn vị tiền tệ áp dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ)

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh khác với VNĐ đ- ợc chuyển đổi ra VNĐ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá trong tr- ờng hợp đ- ợc kết chuyển vào doanh thu (chi phí) tài chính.

+ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số d- tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ đ- ợc đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong tr- ờng hợp này đ- ợc kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc phản ánh hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân từng lần nhập xuất. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương kê khai thường xuyên.

2.2.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

2.2.1.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là dịch vụ, sản phẩm chính của công ty là sửa chữa, gia công, đóng mới các phương tiện thủy, bộ, container. Do đó doanh thu chủ yếu của công ty là doanh thu từ hoạt động sửa chữa các phương tiện

thủy, bộ, container, doanh thu từ các phương tiện được đóng mới, và doanh thu nội bộ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết giữa bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện theo như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Nhưng thông thường khi có hợp đồng sửa chữa hoặc đóng mới thì khách hàng tạm ứng trước cho công ty 30% hợp đồng, còn 70% còn lại sẽ được khách hàng trả sau khi công trình hoặc hàng mục công trình được bàn giao toàn bộ hoặc một phần khối lượng hoàn thành.

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp của công ty được tính theo phương pháp khấu trừ và được cộng vào tổng giá cung cấp. Tuy nhiên hầu hết doanh thu dịch vụ của công ty đều là thanh toán chậm.

** Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL), hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên: + Liên 1 (màu tím) : Lưu tại phìng tài chính kế toán của công ty

+ Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng

+ Liên 3 (màu xanh): Luân chuyển nội bộ

- Giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu thu

** Tài khoản sử dụng*

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm

TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ

Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,131…

* Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, khi công trình đã hoàn thành và được bàn giao, kế toán sẽ ghi hóa đơn GTGT. Sau khi giao hóa đơn GTGT cho khách hàng, kế toán viết phiếu thu nếu khách hàng trả ngay bằng tiền mặt, hoặc nhận giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng ngay trong ngày. Cuối tháng kế toán tiến hành tập hợp chứng từ gốc để lập chứng từ ghi sổ, từ chứng ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái.Cuối quý kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Trong tháng 12/2009 công ty có nghiệp vụ phát sinh như sau:

- Ngày 03/12/2009 Đóng mới tàu Nam Dương theo biên bản thanh lý hợp đồng đóng mới số 24A/TLHĐ ngày 28/10/2009.(Biểu số 2.1)

- Ngày 31/12/2009 Sửa chữa tàu Tây Sơn 3 theo biên bản thanh lí hợp đồng số 52/TLHĐ ngày 30/12/2009.(Biểu số 2.2)

HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG **AY/2009B**
Liên 1 : Nội bộ **0041224**
Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải
Địa chỉ: Số 08A đường vòng Vạn mỹ,Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: 0313765417 MST:0200563063

Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần Hàng hải Nam Dương
Địa chỉ: 8A Đường vong Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MST:0200607659
Hình thức thanh toán: chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
01	Đóng mới tàu Nam Dương 54	chiếc	01		7.253.315.647
Cộng tiền hàng					7.253.315.647
Thuế suất GTGT 5 % Tiền thuế GTGT					362.665.782
Tổng cộng tiền thanh toán					7.615.981.429

Số tiền viết bằng chữ:Bảy tỷ sáu trăm mười lăm triệu chín trăm tám mốt ngàn bốn trăm hai chín đồng./

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG **AY/2009B**
Liên 1 : Nội bộ **0041224**
Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải
Địa chỉ: Số 08A đường vòng Vạn mỹ,Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: 0313765417 MST:0200563063

Họ tên người mua hàng: Công ty vận tải biển Vinalines
Địa chỉ: Số 01 Đào Duy Anh Đống Đa Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: MST:0100104595-011
Hình thức thanh toán: chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
01	Sửa chữa tàu Tây Sơn 3	chiếc	01		382.262.545
Cộng tiền hàng					382.262.545
Thuế suất GTGT 5 % Tiền thuế GTGT					38226254
Tổng cộng tiền thanh toán					420.488.799

Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm hai mươi triệu bốn trăm tám tám nghìn bảy trăm chín chín đồng./.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 145

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Đóng mới tàu Nam Dương 54	112	511	7.253.315.647	
.....			…….	
Sửa chữa tàu Hải Long 06	112	511	34.561.560	
……...			…….	
Sửa chữa tàu Tây Sơn 3	112	511	382.262.545	
……..	…	…	…….	
Cộng			**9.195.677.687**	

Kèm theo… chứng từ gốc

Ngày ... tháng...năm...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.3

Biểu số 2.4

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ"***

Số hiệu: 511

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	145	12/2009	Đóng mới tàu Nam Dương 54	112		7.253.315.647
			…….	…	…	…
31/12	145	12/2009	Sửa chữa tàu Hải Long 06	112		34.561.560
			…….		**...**	
31/12	145	12/2009	Sửa chữa tàu Tây Sơn 3	112		382.262.545
			……..	…	…	…
31/12	215	12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng tháng 12	911	9.195.677.687	
			Cộng phát sinh		**119.658.071.962**	**119.658.071.962**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày ... tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.5

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Đóng mới tàu Nam Dương 54

Năm: 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác(521 531,532)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2		3	4	5
03/12	HĐ10582	03/12	Đóng mới tàu Nam Dương	112	01			7.253.315.647		
			- Cộng số phát sinh		01			**7.253.315.647**		
			- Doanh thu thuần					**7.253.315.647**		
			- Giá vốn hàng bán							
			- Lãi gộp							

Người lập biểu ***Kế toán trưởng***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên*

Biểu số 2.6

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Sửa chữa tàu Tây Sơn 03

Năm: 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác(521 531,532)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2		3	4	5
31/12	HĐ10589	31/12	Sửa chữa tàu Tây Sơn 03	112	01			382.262.545		
			- Cộng số phát sinh		01			**382.262.545**		
			- Doanh thu thuần							
			- Giá vốn hàng bán							
			- Lãi gộp							

Người lập biểu ***Kế toán trưởng***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.1.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụkỹ thuật hàng hải

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy, bộ, container và doanh thu chủ yếu là từ các hợp đồng sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy, bộ ,container, do vậy phương pháp tính giá thành sản phẩm mà công ty áp dụng là phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này, kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh cho một công trình, hạng mục công trình từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

* Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

- Và các tài khoản có liên quan khác như: 621,622,627…

* Quy trình hạch toán

Trong năm 2009, công ty sửa chữa đóng mới khá nhiều phương tiện thủy, tất cả các chi phí sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621), chi phí nhân công trực tiếo(622), chi phí sản xuất chung(627) phục vụ cho công trình nào sẽ dược hạch toán chi tiết cho từng công trình ấy. Từ các chứng từ và sổ kế toán định kỳ, hàng quý kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dơ dang cho từng công trình, hạng mục công trình đang thực hiện.

Nợ 154

Có 621,622,627

Từ đó lập bảng kê chi phí cho từng công trình.

Khi một công trình hoặc hạng mục công trình được hoàn thành và xác định là bàn giao, căn cứ vào bảng kê chi phí của công trình đó kế toán xác định giá vốn, chính bằng toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của công trình đó ghi:

Nợ 632

Có 154

Ví dụ: Trong tháng 12/2009, công ty đã hoàn thành đóng mới tàu Nam Dương 54 theo biên bản thanh lý hợp đồng đóng mới số24A/TLHĐ ngày 28/12/2009 cho công ty cổ phần hàng hải Nam Dương.

- Hoàn thành sửa chữa tàu Tây Sơn 3 theo biên bản thanh lý phụ lục hợp đồng số 52/TLHĐ ngày 30/12/2009 cho công ty vận tải biển Vinalines.

Biểu số 2.7

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 127

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn đóng mới tàu Nam Dương 54	632	154	6.575.067.445	
.....			…….	
Giá vốn sửa chữa tàu Hải Long 06	632	154	31.389.774	
……			…….	
Giá vốn sửa chữa tàu Tây Sơn 3	632	154	224.051.346	
……..	…	…	…	
Cộng			**7.733.138.995**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.8

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Giá vốn hàng bán"***

Số hiệu: 632

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	127	12/2009	Giá vốn đóng mới tàu Nam Dương 54	154	6.575.067.445	
			…….	…	…	
31/12	127	12/2009	Giá vốn sửa chữa tàu Hải Long 06	154	31.389.774	
			……..		…	
31/12	127	12/2009	Giá vốn sửa chữa tàu Tây Sơn 3	154	224.051.346	
			……..	…	…	…
31/12	224	12/2009	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12	911		7.733.138.995
			Cộng phát sinh		**106.641.125.673**	**106.641.125.673**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.9

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản 632

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Tàu Nam Dương 54

Năm: 2006

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
03/12			Thanh lý hợp đồng đóng mới tàu Nam Dương	154	01		6.575.067.445	
			- Cộng số phát sinh		01		**6.575.067.445**	

Người lập biểu ***Kế toán trưởng***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.10

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản 632

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Tàu Tây Sơn 3

Năm: 2006

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
31/12			Thanh lý hợp đồng sửa chữa tàu Tây Sơn 3	154	01		224.051.346	
			- Cộng số phát sinh		01		**224.051.346**	

Người lập biểu ***Kế toán trưởng***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.1.3.Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí mà công ty bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp.Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí như: lương cho nhân viên bán hàng, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa,chi phí điện nước phục vụ công tác bán hàng, các chi phí khác liên quan đến hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

** Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu
- TK 6413: Chi phí đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao
- TK 6415: Phí và lệ phí
- TK 6416: Chi phí điện thoại
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan như: 111,112,141,…

* Quy trình hạch toán

Căn cứ vào chứng từ gốc như phiếu chi, ủy nhiệm chi,hóa đơn GTGT… kế toán ghi chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 641, đồng thời vào sổ chi tiết TK 641,cuối quý lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

- Ngày 28/12/2009 thanh toán tiền ăn ca tháng 11/09 cho nhân viên bán hàng tổng số tiền là 8.480.000đồng. (Biểu số 2.11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG & DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI
Số 8A, Đường Vòng Vạn Mỹ Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Số: 11/12

Họ tên người nhận tiền*:* Phạm Thùy Dương

Địa chỉ:

Lí do chi: Thanh toán tiền ăn ca tháng 11/09

Số tiền: 8.480.000 đ

Bằng chữ: Tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng chẵn./.

Kèm theo: …. chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền:……....

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**	**Thủ quỹ**	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.12

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 132

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....			…….	
Mua đồ dùng phục vụ bán hàng	6413	111	355.000	
Thanh toán tiền ăn ca cho NVBH	6411	111	8.480.000	
……			…….	
Tiền điện thoại	6416	111	1.639.415	
Chi phí khấu hao TSCĐ	6414	214	179.616.186	
Cộng			**245.192.246**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.13

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Chi phí bán hàng"***

Số hiệu: 641

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			……..		**...**	…
31/12	132	12/2009	Mua đồ dùng phục vụ bán hàng	111	355.000	
31/12	132	12/2009	Thanh toán tiền ăn ca cho NVBH	111	8.480.000	
			……..		…	
31/12	132	12/2009	Tiền điện thoại	111	1.639.415	
31/12	132	12/2009	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	179.616.186	
			……..	…	…	
31/12	234	12/2009	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12	911		245.192.246
			Cộng phát sinh		**2.878.741.919**	**2.878.741.919**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.1.4.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

** Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đon GTGT
- Phiếu chi
- UNC
- Phiếu kế toán

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như sau:
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí điện thoại
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
- Các tài khoản khác có liên quan như: 111,112,141…

** Quy trình hạch toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc: hóa đơn GTGT, Phiếu chi,UNC… kế toán ghi chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 642, đồng thời vào sổ chi tiết TK 642, cuối quý tổng hợp phát sinh bên nợ,phát sinh bên có để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

- Ngày 10/12/2009 thanh toán tiền nước phục vụ bộ phận văn phòng tháng 11/2009 số tiền là 3.276.301 đồng.(Biểu số 2.14)
- Phân bổ lương tháng 12/2009 cho bộ phận quản lý.(Biểu số 2.15)

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG & DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI
Số 8A, Đường Vòng Vạn Mỹ Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Số: 203

Họ tên người nhận tiền*:* Lê Thị Hưng

Địa chỉ:

Lí do chi: Thanh toán tiền nước tháng 11/09

Số tiền: 3.276.301 đ

Bằng chữ: Ba triệu hai trăm bảy sáu ngàn ba trăm linh một đồng./.

Kèm theo: …. chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền:……....

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**	**Thủ quỹ**	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.16

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 138

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....			…….	
Thanh toán tiền nước tháng 11/09 phục vụ quản lý	6427	111	3.276.301	
Thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận quản lý	6426	111	1.484.761	
……			…….	
Tính ra lương phải trả cho bộ phận quản lý	6421	334	93.050.000	
Các khoản trích theo lương	6421	338	5.049.600	
……			……	
Cộng			**379.706.326**	

Kèm theo … chứng từ gốc

Ngày ... tháng...năm...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.17

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Chi phí quản lý doanh nghiệp"***

Số hiệu: 642

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			…….	…	…	…
31/12	138	12/2009	Thanh toán tiền nước t11/09 phục vụ quản lý	111	3.276.301	
31/12	138	12/2009	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý	111	1.484.761	
			……..	…	…	…
31/12	138	12/2009	Tính ra lương phải trả cho bộ phận quản lý	334	93.050.000	
31/12	138	12/2009	Các khoản trích theo lương	338	5.049.600	
			……	…	…	…
31/12	235	12/2009	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 12	911		379.706.326
			Cộng phát sinh		**4.364.747.149**	**4.364.747.149**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.2.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

2.2.2.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.Tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải thì doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng,các khoản chênh lệch tỷ giá, cổ tức, lợi nhuận được chia…

* Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán

* Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

* Quy trình hạch toán

Căn cứ vào chứng từ gốc như: Giấy báo có của ngân hàng, Phiếu kế toán… kế toán vào chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 515, đồng thời vào sổ chi tiết TK 515, cuối quý cộng số phát sinh nợ, phát sinh có để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 28/12/2009 nhận lãi tiền gửi của ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex số tiền là 1.424.479 đồng (Biểu số 2.18)

NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

22-Lý Tự Trọng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mã số thuế: 1400116233011

GIẤY BÁO CÓ

Số chứng từ 208MP13092810001

Ngày 28/12/2009 10:22:39

Tên khách hàng CTCP CUNG ỨNG & DVKT HÀNG HẢI

Địa chỉ Số 08A VẠN MỸ - NGÔ QUYỀN – HP

Mã số thuế khách hàng 0200563063

Mã khách hàng 000043798

Số tài khoản 2087040006741

Số tiền ghi có chưa phí Amount	1.424.479	VND
Số tiền tương đương Equivalent Amount	1.424.479	VND
Phí và thuế Tax and charge	00	VND
Thuế 10% Tax	00	VND
Phí Charge	00	VND
Tỷ giá Exchange rate	1,00	

Nội dung Lãi nhập gốc

Description

Khách hàng **Giao dịch viên** **Người có thẩm quyền**

Customer Teller system Supervisor system

Biểu số 2.19

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 142

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nhận lãi tiền gửi NH Petrolimex	112	515	1.424.479	
Nhận lãi tiền gửi NH VIB	112	515	637.150	
……			…….	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413	515	10.120.185	
Lãi cho vay phải thu	131	515	64.393.916	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	111	515	83.083.000	
……			….	
Cộng			**174.621.544**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.20

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Doanh thu hoạt động tài chính"***

Số hiệu: 515

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			…….	…		…
31/12	142	12/2009	Nhận lãi tiền gửi NH Petrolimex	112		1.424.479
31/12	142	12/2009	Nhận lãi tiền gửi NH VIB	112		637.150
			…….....	…		….
31/12	142	12/2009	Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413		10.120.185
31/12	142	12/2009	Lãi cho vay phải thu	131		64.393.916
31/12	142	12/2009	Cổ tức, lợi nhuận được chia	111		83.083.000
			……	…		…
31/12	215	12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính t12	911	174.621.544	
			Cộng phát sinh		**2.061.308.486**	**2.061.308.486**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.2.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi cho tà chính, các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm, lãi trái phiếu phát hành…Trong năm 2009 công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải có khoản chi phí tài chính là khoản lãi vay phải trả.

** Chứng từ kế toán sử dụng*

- Giấy báo nợ

- Phiếu kế toán

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 635 – Chí phí hoạt động tài chính

- Các tài khoản khác có liên quan

** Quy trình hạch toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc như: giấy báo nợ…của ngân hàng kế toán vào chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 635 đồng thời vào sổ chi tiết TK 635, cuối quý cộng phát sinh nợ, phát sinh có, lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

- Ngày 28/12/2009 nhận thông báo trả tiền lãi vay của ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu petrolimex số tiền là 14.848.667đồng.(Biểu số 2.21)

Biểu số 2.22

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 139

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
……..				
Lãi vay phải trả NH TMCP xăng dầu Petrolimex	635	112	14.848.667	
…….			…..	
Cộng			**132.990.690**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.23

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Chi phí hoạt động tài chính"***

Số hiệu: 635

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			…….	…		…
31/12	139	12/2009	Lãi vay phải trả NH TMCP Petrolimex	112	14.848.667	
			……..		**...**	…
31/12	216	12/2009	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính tháng 12	911		132.990.690
			Cộng phát sinh		**2.069.340.638**	**2.069.340.638**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày ... tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

2.2.3.Kế toán chi phí và thu nhập từ hoạt động khác

2.2.3.1.Kế toán thu nhập từ hoạt động khác

Thu nhập khác là những khoản thu, góp nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

Tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải trong năm 2009 có các khoản thu nhập từ hoạt động khác bao gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu hồi nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, tiền hoa hồng bán hàng,và các thu nhập khác.

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 711 – Thu nhập khác
- Các tài khoản có liên quan khác: 111,112,214,211,131…

2.2.3.2.Kế toán chi phí từ hoạt động khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ năm trước như: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt do vi phạm hợp đồng: bị phạt thuế, truy thu thuế, chi tiền lãi suất chậm đóng bảo hiểm xã hội…

Tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải trong năm 2009 có các khoản chi phí từ hoạt động khác như sau: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định,đền bù do thiên tai năm 2009, các chi phí khác.

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 811 – Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,214,211,131,…

Ví dụ: Ngày 16/12/2009 thanh lý một máy fax đa chức năng Panasonic chi phí thanh lý là 250.700 đồng, giá trị thu hồi bằng tiền mặt là 560.000 đồng (Biểu số 2.24)

BIÊN BẢN THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Căn cứ quyết định số 68 ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Giám đốc Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải về việc thanh lý tài sản cố định

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

**** Bên thanh lý (Bên A)***

Ông: Nguyễn Việt Dũng Chức vụ: Phó giám đốc sản xuất Trưởng ban

Bà: Phạm Thu Trang Chức vụ: Kế toán Ủy viên

**** Bên mua (Bên B)***

Bà: Nguyễn Trọng Nghĩa Chức vụ: Phó giám đốc kinh doanh Trưởng ban

Ông: Nguyễn Tiến Đạt Chức vụ: Kỹ sư Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ: Máy fax đa chức năng Panasonic

Nước sản xuất: Nhật Bản

Năm sản xuất: 1997

Năm đưa vào sử dụng: 2000 Số thẻ TSCĐ: 036

Nguyên giá: **10.763.420**

Thời gian sử dụng: 9 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này: 9.687.078

Giá trị còn lại: 1.076.342

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

Máy fax vẫn hoạt động bình thường

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 250.700đồng
- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt: 560.000đồng
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ 036 ngày 16/12/2009

Ngày … tháng… năm…

Đại diện (Bên A) ***Đại diện (Bên B)***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.25

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & ĐVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: ***"Thu nhập khác"***

Số hiệu: 711

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS			Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ			
				Số phát sinh			
				.....	....		...
31/12	0201	12/2009		Chi phí khác bằng máy fax	1111	250.700	560.000
				.....	.....	.....	.....
31/12	35	12/2009		Kết chuyển thu nhập khác tháng 12	911		95.699.306
31/12	196	12/2009		Kết chuyển thu nhập khác tháng 12	911		196.579.970
				.....			
31/12	195	12/2009		Kết chuyển thu nhập khác tháng 12	911	152.688.467	
				Cộng phát sinh		**2.448.114.341**	**2.448.114.341**
				Số dư cuối kỳ			
				Cộng phát sinh		**912.842.147**	**912.842.147**
				Số dư cuối kỳ			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu | **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên)*

Người lập biểu | **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.26

2.2.4.Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

*Chi phí thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN*

Thu nhập chịu thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty đang tính hiện nay là: 25%

2.2.5.Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

** Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan khác

** Quy trình hạch toán*

Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.27

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 195

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c DTBH và cung cấp dịch vụ tháng 12	511	911	9.195.377.687	
K/c doanh thu hoạt động tài chính tháng 12	515	911	174.621.544	
K/c thu nhập khác tháng 12	711	911	152.688.967	
Cộng			**9.522.698.188**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày ... tháng…năm…

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 198

Tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán tháng 12	911	632	7.837.238.955	
K/c chi phí bán hàng tháng 12	911	641	245.192.246	
K/c chi phí QLDN tháng 12	911	642	379.706.326	
K/c chi phí HĐTC tháng 12	911	635	132.990.690	
K/c chi phí khác tháng 12	911	811	196.579.970	
Cộng			**8.687.608.187**	

Kèm theo…chứng từ gốc

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.28

Biểu số 2.29

Biểu số 2.30

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"***

Số hiệu: 821

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			…….	…		…
31/12	197	12/2009	Tính ra thuế TNDN phải nộp tháng 12	3334	208.772.500	
31/12	198	12/2009	K/c chi phí thuế TNDN tháng 12	911		208.772.500
			Cộng phát sinh		**813.288.219**	**813.288.219**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.31

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Xác định kết quả kinh doanh"***

Số hiệu: 911

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NT GS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			…….	…		…
31/12	195	12/2009	K/c DTBH&CCDV t12	511		9.195.377.687
			K/c DTHĐTC tháng 12	515		174.621.544
			K/c thu nhập khác t12	711		152.688.967
31/12	196	12/2009	K/c GVHB tháng 12	632	7.733.138.955	
			K/c CPBH tháng 12	641	245.192.246	
			K/c CP QLDN tháng 12	642	379.706.326	
			K/c CPHĐTC tháng 12	635	132.990.690	
			K/c chi phí khác tháng 12	811	196.579.970	
31/12	198	12/2009	K/c CP thuế TNDN t12	821	208.772.500	
			K/c lãi tháng 12	421	626.317.501	
			Cộng		**106.378.215.400**	**106.378.215.400**

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.32

Đơn vị: ***Công ty CP cung ứng & DVKT Hàng Hải***

Địa chỉ: *Số 08A- Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

SỔ CÁI

Tên tài khoản ***"Lợi nhuận chưa phân phối"***

Số hiệu: 421

Năm 2009

(Trích số liệu tháng 12 năm 2009)

ĐVT: đồng Việt Nam

NTGS	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			**445.411.734**
			Số phát sinh			
			…….	…		…
31/12	198	12/2009	K/c lãi tháng 12	911		626.317.501
31/12	199	12/2009	K/c lãi CNMN về công ty	1368		2.181.377.740
			Cộng phát sinh			**3.416.864.656**
			Số dư cuối kỳ			**3.862.276.390**

Ngày … tháng…năm…

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.33

Đơn vị: ***Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải***

Địa chỉ: *Số 08A - Đường Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

ĐVT: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1		2	3	4	5
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1**	**VI.36**	119,658,071,962	159,631,412,247
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	2	**VI.37**	-	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**VI.38**	119,658,071,962	159,631,412,247
4	**Giá vốn hàng bán**	11	**VI.39**	106,641,125,673	138,738,580,625
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		13,016,946,289	20,892,831,622
6	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	**VI.40**	2,061,308,486	1,531,702,347
7	**Chi phí tài chính**	22	**VI.41**	2,069,340,638	8,996,602,624
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		*1,995,247,405*	*8,849,419,845*
8	**Chi phí bán hàng**	24	**VI.42**	2,878,741,919	4,192,027,148
9	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	**VI.43**	4,364,747,149	5,493,203,145
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		5,765,425,069	3,742,701,052
11	**Thu nhập khác**	31	**VI.44**	912,842,147	27,088,590,273
12	**Chi phí khác**	32	**VI.45**	2,448,114,341	25,901,445,444
13	**Lợi nhuận khác**	**40**		(1,535,272,194)	1,187,144,829
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		4,230,152,875	4,929,845,881
15	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	51	**VI.46**	813,288,219	1,334,800,847
16	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	52	**VI.47**	-	-
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		3,416,864,656	3,595,045,034
18	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)**	**70**	**VI.48**	1.068	23,193.84

(*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho Công ty cổ phần

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc Công ty**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.1.Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ và kỹ thuật hàng hải

Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải là công ty cổ phần có vốn chủ sở hữu của Nhà nước trực thuộc Tổng công ty hàng hải Việt Nam, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là dịch vụ, lĩnh vực hoạt động kinh doanh là sửa chữa, đóng mới gia công các phương tiện thủy, bộ, container; vận tải đường thủy; đại lý và môi giới vận tải (thủy, bộ); kinh doanh và cung ứng nước ngọt, thực phẩm cho các tàu trong và ngoài nước….Trong đó, sửa chữa, đóng mới, và gia công các phương tiện thủy, bộ, container là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty. Đây là ngành nghề khá phát triển vì nó phù hợp với vị trí địa hình là một thành phố biển lớn của cả nước. Bên cạnh đó, đây là ngành dịch vụ được nhà nước đầu tư, khuyến khích.

3.1.1.Ưu điểm

Là một công ty cổ phần có vốn sở hữu của nhà nước. Luôn đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò vị thế của công ty trên toàn quốc.

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách mảng riêng, có nhiệm vụ quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty đúng hạn.Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

- Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành, cụ thể:

+ Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hách toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

+ Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số

15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

- Về hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty:

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

- Về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty:

Nhìn vào bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ta có thể thấy sự chênh lệch khá lớn giữa thu nhập từ hoạt động khác (912.842.147đồng)và chi phí từ hoạt động khác (2.448.114.341đồng) của công ty, mà điều đáng nói ở đây là lợi nhuận từ hoạt động khác là một số âm khá lớn dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bị giảm đi đáng kể.

Sau khi tìm hiểu, em được biết nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động khác là một số âm là vì trong năm 2008 do một số trận bão đổ vào thành phố nên gây thiệt hại nghiêm trọng đến cơ sở vật chất và hàng hóa của công ty. Nên năm 2009 công ty phải đền bù do thiên tai gây ra năm 2008.

Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trên hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Không có chính sách khuyến mãi khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho đồng vốn không được quay vòng nhanh.

- Về hạch toán chứng từ ban đầu:

Kế toán công ty chưa lập các chứng từ để phản ánh bút toán kết chuyển khi hạch toán kết quả kinh doanh. Mà hạch toán ban đầu là quá trình theo dõi, ghi chép hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các chứng từ kế toán để làm cơ sở cho việc hạch toán tổng hợp, hạch toán chi tiết. Số liệu để hạch toán kế toán tài chính là số liệu kế thừa các phần hành kế toán trước đó. Thông qua số liệu của kế toán có thể xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Việc kế toán không lập các chứng từ ban đầu để phản ánh các bút toán kết chuyển sẽ không có căn cứ ghi sổ kế toán, người xem khó theo dõi, kiểm tra quy trình ghi chép của kế toán. Mặt khác, khi muốn tìm hiểu thì phải rà soát lại các phần hành trước và phải tự cộng số liệu rất mất thời gian và việc báo cáo số liệu của kế toán sẽ không kịp thời.

Khi xác định giá trị hoàn thành một công trình hoặc một hàng mục công trình phòng kế toán của công ty viết hóa đơn GTGT. Sau khi khách hàng nhận

được hóa đơn GTGT và thông báo chấp nhận số tiền ghi trên hóa đơn, kế toán công ty mới hạch toán vào sổ. Đối với những công trình và đối tượng khách hàng ở xa việc luân chuyển chứng từ còn chậm có thể ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính và khóa sổ kế toán.

- Về sổ sách kế toán:

Đa số doanh thu và giá vốn của công ty đều được hạch toán vào cuối quý, cũng vào thời điểm lập báo cáo tài chính nên công việc của kế toán tại phòng kế toán của công ty bị dồn vào cuối quý rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ của công việc.

Sổ đăng ký chứng từ dùng để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, Sổ đăng ký chứng từ còn dùng để quản lý chứng từ ghi sổ và kiểm tra đối chiếu số liệu với sổ cái và bảng cân đối số phát sinh cuối mỗi kỳ. Việc thiếu Sổ đăng ký chứng từ dẫn đến khó khăn trong công việc kiểm soát các chứng từ, khó theo dõi các nghiệp vụ phát sinh liên tục. Và trong công việc lập sổ cái, bảng cân đối số phát sinh thiếu một cơ sở căn cứ.

- Trình độ học vấn ban đầu của người lao động còn thấp nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật mới bị hạn chế, thiếu sáng tạo. Có trường hợp công nhân tay nghề kém dẫn đến thiệt hại cho công ty. Điều này gây thiệt hại cả kinh tế và uy tín với khách hàng.

3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung, cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm

chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả.

- Mặt khác, kế toán tài chính giống như "quả tim" của doanh nghiệp, nó cho biết được "tình trạng sức khỏe" của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì hoạt động kinh doanh của công ty cũng không thể hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty là hết sức cần thiết.

- Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách kịp thời chính xác. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng được kế hoạch kinh doanh chiến lược cho công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

3.3.Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải.

Qua phần nhận xét trên ta thấy sơ bộ thực trạng công tác quản lý, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải bên cạnh những mặt tích cực còn có những mặt hạn chế. Vì vậy công ty cần hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí , xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng; đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các

khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ một doanh nghiệp nào đó là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.4.Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

3.4.1.Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Đặc điểm của kế toán tài chính là kế thừa số liệu của các phần hành kế toán trước đó như: kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán chi phí...các chứng từ phát sinh đều là các chứng từ tự lập, các chứng từ này đều được luân chuyển trong nội bộ đơn vị để làm căn cứ để hạch toán kết quả kinh doanh. Mục đích của việc lập các chứng từ này là để tập hợp và phản ánh một cách đầy đủ và chi tiết các khoản doanh thu, chi phí được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Chứng từ có thể lập theo mẫu sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày....tháng....năm.... *Số hiệu:.....*

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
A	B	C	D	E	F	G	H

Bằng chữ:……...……..

Ngày....tháng....năm....

Kế toán trưởng ***Người lập biểu***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Phương pháp ghi:

+ Cột A: số thứ tự các bút toán.

+ Cột B: ghi tóm tắt tên, nội dung các nghiệp vụ phát sinh.

+ Cột C,D: ghi số hiệu của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có của nghiệp vụ.

+ Cột E: ghi số tiền của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có của nghiệp vụ.

+ Cột F,G: số hiệu của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có chi tiết của nghiệp vụ.

+ Cột H: ghi số tiền của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có chi tiết của nghiệp vụ.

+ Cột F,G,H được ghi khi nghiệp vụ phát sinh có tài khoản chi tiết.

Chứng từ được lập ra là căn cứ pháp lý cho việc bảo vệ tài sản và xác minh tính hợp pháp trong việc giải quyết các mối quan hệ kinh tế pháp lý thuộc đối tượng của hạch toán kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp cho các cơ quan quản lý dễ dàng kiểm tra quy trình ghi chép của kế toán trong việc hạch toán kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đỡ mất thời gian rà soát lại các sổ tài khoản doanh thu, chi phí.

Là cơ sở để phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ hạch toán kết quả kinh doanh vào các sổ kế toán. Đồng thời là thông tin kịp thời, đúng lúc, giúp cho kế toán, chủ

doanh nghiệp có cơ sở để đối chiếu, so sánh khi cần thiết và tránh nhầm lẫn sai sót khi ghi các bút toán kết chuyển vào sổ sách, góp phần triệt để hạch toán kinh doanh nội bộ.

Ví dụ: Ngày 31/12/2009 kết chuyển chi phí tài chính tháng 12 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty, số tiền: 132.990.690 đồng. Kế toán cần lập phiếu kế toán sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm2009 *Số phiếu:21*

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
A	B	C	D	E	F	G	H
1.	K/c chi phí tài chính	635	911	132.990.690			
Cộng				**132.990.690**			

Bằng chữ: Một trăm ba hai triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm chín mươi đồng

Kế toán trưởng ***Người lập biểu***

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

3.4.2.Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Việc giảm bớt những sổ sách không cần thiết với doanh nghiệp của mình cũng là một biện pháp thường được các công ty áp dụng để giảm thiểu chi phí và công sức cho kế toán và lưu trữ. Tuy nhiên, việc giảm tải này cũng phải đảm bảo đúng quy trình hạch toán kế toán chung của Bộ tài chính, thuận tiện cho công tác kế toán và đối chiếu số liệu.

Công ty nên mở Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Quy trình sử dụng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như sau: Hằng ngày nhân viên kế toán phụ trách từng phần hànhcăn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra lập các chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được chuyển đến cho kế toán trưởng ký duyệt sau đó chuyển cho bộ phận kế toán lưu trữ chứng từ với đầy đủ các chứng từ gốc kèm theo để bộ phận này ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Cuối tháng khóa sổ tìm ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Số liệu trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dùng để đối chiếu so sánh với số liệu trên bảng cân đối số phát sinh: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản tổng hợp trên bảng cân đối số phát sinh phải khớp nhau và khớp với tổng số tiền của Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dùng cho công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm:….

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
- Cộng tháng			- Cộng tháng		
- Lũy kế từ đầu năm			**- Lũy kế từ đầu năm**		

3.4.3.Kiến nghị 3: Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng

lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: giảm giá hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK521 – Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112

Có TK 131

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511

Có TK 521

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – chi phí hoạt động tài chính.

- Phương pháp kế toán TK 532 – Giảm giá hàng bán.

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112,131

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu.

Nợ TK 511

Có TK 532

Với các biện pháp khuyến mãi này công ty có thể không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn taeng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.4.4.Kiến nghị 4: Ứng dụng phần mềm kế toán

Công ty đang sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức ghi sổ khá phức tạp, khối lượng sổ sách tương đối nhiều, cồng kềnh. Vì

vậy, công ty nên nhanh chóng áp dụng phần mềm kế toán vào tất cả các phần hành kế toán. Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau: MISA, SASINNOVA, FAST, ACMAN….

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty và giúp công tác quản lý dễ dàng. Hệ thống sổ sách sẽ được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác hơn.

3.4.5.Kiến nghị 5: Hoàn thiện hệ thống máy móc, trang thiết bị trong công ty

Máy móc thiết bị đã được đầu tư hàng chục năm trước, hầu hết các máy móc đều cũ, hỏng hóc nhiều, hoạt động kém hiệu quả, thời gian khấu hao của máy móc cũng đã hết, chi phí sửa chữa cao lại hay phải sửa chữa nhiều, sửa chữa thường kéo dài. Một số máy móc không sử dụng được, do đó mà ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty nên đầu tư vào việc mua sắm làm mới máy móc, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu, đồng thời giảm được các chi phí về sửa chữa máy móc.

3.5.Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

3.5.1.Về phía Nhà nước

- Chính sách Nhà nước ngày càng ban hành nhiều quyết định, thông tư trong chế đọ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặ chẽ do vậy Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung có một môi trường tốt để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của mình.

- Các cơ sở đào tạo, hiệp hội nghề các trường Đại học, Cao đẳng về kế toán, kiểm toán…ngày càng được mở rộng, quy mô lớn. Đây là điều kiện thuận lợi để kế toán của công ty có thể nắm bắt những thay đổi trong chế độ kế toán.

3.5.2.Về phía doanh nghiệp

Bản thân doanh nghiệp cần phải có những điều kiện sau đây để có thể hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

- Công ty phải có đội ngũ cán bộ, nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kế toán, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp mà còn am hiểu các nghiệp vụ ngoại thương, am hiểu các nghiệp vụ kinh doanh xuất khẩu hàng hóa…Hơn thế nữa, cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị trí được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trước những thành tựu công nghệ thông tin nói chung và việc ứng dụng các thành tựu vào quản lý kinh tế nói riêng nhằm đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng phải theo hướng hiện đại hóa trong ghi chép và xử lý số liệu nhằm nâng cao năng suất lao động đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ cho lãnh đạo. Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hướng này, đòi hỏi đội ngũ cán bộ kế toán phải am hiểu và thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty và lập báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt là trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế mặc dù sự vận dụng lý luận và thực tế có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, với sự chỉ đạo tận tình của giáo viên hướng dẫn: Tiến sĩ Lê Văn Liên và các cô chú phòng kế toán Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải.

Những đóng góp cụ thể của khóa luận:

- Trình bày những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp.

- Trình bày thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Trình bày những ưu, nhược điểm và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thành tốt hơn.

Cuối cùng em xin gửi tới thầy giáo hướng dẫn- Tiến sĩ Lê Văn Liên lời cảm ơn sâu sắc.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 3
1.1.Một vài nét về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh 3
1.1.1.Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp 3
1.1.1.1.Khái niệm 3
1.1.1.2.Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu 3
1.1.1.3.Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp 6
1.1.2.Chi phí liên quan tới tiêu thụ hàng hoá 7
1.1.2.1.Khái niệm 7
1.1.2.2.Các loại chi phí 8
1.1.3.Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 8
1.1.4.Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh 9
1.2.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh 9
1.2.1.Vai trò của kế toán bán hàng 9
1.2.2.Nhiệm vụ của kế toán bán hàng 10
1.3.Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại các doanh nghiệp 10
1.3.1.Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu 11
1.3.1.1.Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 11
1.3.1.2.Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu 13
1.3.1.3.Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ 14
1.4.Kế toán chi phí tại các doanh nghiệp 20
1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán 20
1.4.1.1 Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán 20
1.4.1.2 Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán 21
1.4.2 Kế toán chi phí bán hàng 22
1.4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp 23
1.5.Kế toán xác định kết quả bán hàng 25
1.5.1 Kết quả bán hàng 25
1.5.2 Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng 26

1.5.2.1 Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 27
1.5.2.2 Phương pháp kế toán xác định kết quả bán hàng 27
1.6.Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp .. 29
1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung 29
1.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái 30
1.6.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ 30
1.6.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ 30
1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính 31
1.6.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính 31
1.6.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính 31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI 32
2.1.Đặc điểm tình hình chung của công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải 33
2.1.1.Giới thiệu về công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải .. 33
2.1.2.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty 34
2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ mỏy quản lý của cụng ty 36
2.1.4.Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất – kinh doanh tại công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải 40
2.2.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải 40
2.2.1.Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán 40
2.2.2.Hình thức tổ chức công tác kế toán tại công ty 42
2.2.3.Chính sách kế toán khác của công ty 44
2.2.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 44
2.2.1.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 44
2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 44

2.2.1.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụkỹ thuật hàng hải 54
2.2.1.3.Kế toán chi phí bán hàng 60
2.2.2.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 68
2.2.2.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 68
2.2.2.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 72
2.2.3.Kế toán chi phí và thu nhập từ hoạt động khác 75
2.2.3.1.Kế toán thu nhập từ hoạt động khác 75
2.2.3.2.Kế toán chi phí từ hoạt động khác 75
2.2.4.Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 78
2.2.5.Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 78
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 86
3.1.Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ và kỹ thuật hàng hải 86
3.1.1.Ưu điểm 86
3.1.2.Hạn chế 88
3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 90
3.3.Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải. 91
3.4.Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 92
3.4.1.Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán 92
3.4.2.Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán 94

3.4.3.Kiến nghị 3: Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 95
3.4.4.Kiến nghị 4: Ứng dụng phần mềm kế toán..... 97
3.4.5.Kiến nghị 5: Hoàn thiện hệ thống máy móc, trang thiết bị trong công ty . 98
3.5.Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải 98
3.5.1.Về phía Nhà nước 98
3.5.2.Về phía doanh nghiệp 98
KẾT LUẬN 100